

HƯỚNG DẪN

Thực hiện Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

Căn cứ Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đoàn thông qua ngày 13/12/2017, Ban Thường vụ Trung ương Đoàn hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh như sau:

1. Điều 1 (khoản 2, 3). Về kết nạp đoàn viên

1.1. Điều kiện độ tuổi và trình độ học vấn

a. Tại thời điểm xét kết nạp, người được kết nạp vào Đoàn tuổi từ 16 (từ đủ 15 tuổi + 1 ngày) và không quá 30 tuổi.

b. Thanh niên Việt Nam có lý lịch rõ ràng là người khai đầy đủ, trung thực tất cả các nội dung liên quan đến lịch sử chính trị và các vấn đề lịch sử hiện nay của bản thân theo mẫu sơ yếu lý lịch do Trung ương Đoàn ban hành.

c. Người được kết nạp vào Đoàn tối thiểu có trình độ tiểu học. Đối với thanh niên đang sinh sống ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì vận dụng linh hoạt.

1.2. Xét kết nạp đoàn viên trong một số trường hợp

a. Trường hợp thanh niên có nguyện vọng vào Đoàn, hăng hái tham gia các hoạt động do Đoàn tổ chức, có tín nhiệm với thanh niên, nhưng có bố mẹ, anh, chị, em ruột đang bị giam giữ, trước khi xét kết nạp phải xin ý kiến của cấp ủy đảng cùng cấp.

b. Trường hợp thanh niên làm việc trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chưa có tổ chức Đoàn, hăng hái tham gia các hoạt động do Đoàn tổ chức ở nơi cư trú, có tín nhiệm với thanh niên và có nguyện vọng vào Đoàn thì chi đoàn nơi cư trú xét, đề nghị, ban chấp hành Đoàn xã, phường, thị trấn ra quyết định chuẩn y kết nạp.

1.3. Thủ tục kết nạp đoàn viên

a. Thanh niên vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tự nguyện viết đơn, báo cáo lý lịch của mình với chi đoàn, chi đoàn cơ sở.

b. Được học Điều lệ Đoàn và trang bị những kiến thức cơ bản về Đoàn trước khi kết nạp.

c. Được một đoàn viên hoặc một đảng viên (với những nơi chưa có tổ chức Đoàn) giới thiệu. Đoàn viên hoặc đảng viên giới thiệu phải là người cùng công tác, lao động hoặc học tập với người được giới thiệu ít nhất 3 tháng liên tục.

- Đối với hội viên Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam do tập thể chi hội giới thiệu.

- Đối với hội viên Hội Sinh viên Việt Nam do ban chấp hành chi hội giới thiệu.

- Đối với đội viên Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh do tập thể chi đội giới thiệu.

d. Hội nghị chi đoàn, chi đoàn cơ sở tiến hành xét kết nạp từng người một với sự biểu quyết tán thành của trên một phần hai số đoàn viên có mặt tại hội nghị và được đoàn cấp trên trực tiếp ra quyết định chuẩn y (đối với chi đoàn); đối với chi đoàn cơ sở thì ra nghị quyết kết nạp.

Trường hợp đặc biệt ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn các đơn vị công tác phân tán không có điều kiện họp được toàn thể chi đoàn, nếu được đoàn cấp trên đồng ý thì việc xét kết nạp có thể do ban chấp hành chi đoàn xét và đoàn cấp trên trực tiếp chuẩn y.

đ. Trường hợp thanh niên đang học bậc trung học phổ thông nơi chưa có tổ chức chi đoàn thì việc kết nạp đoàn viên do ban chấp hành đoàn trường thực hiện.

1.4. Quy trình công tác phát triển đoàn viên

a. Bước 1: Chi đoàn, đoàn cơ sở tổ chức tuyên truyền giới thiệu về tổ chức Đoàn cho thanh niên, thông qua các loại hình tổ chức và các phương thức hoạt động của Đoàn, Hội, Đội.

b. Bước 2: Chi đoàn, đoàn cơ sở xây dựng kế hoạch kết nạp đoàn viên.

- Lập danh sách thanh niên tiên tiến và đội viên trưởng thành.

- Lựa chọn đối tượng theo các tiêu chuẩn kết nạp đoàn viên.

- Phân công đoàn viên giúp đỡ, dự kiến thời gian bồi dưỡng, thời gian tổ chức kết nạp.

c. Bước 3: Chi đoàn, đoàn cơ sở bồi dưỡng giáo dục, rèn luyện thanh, thiếu niên vào Đoàn.

- Mở lớp bồi dưỡng tìm hiểu về Đoàn, lựa chọn những thanh niên có đủ tiêu chuẩn xét kết nạp (nơi có điều kiện có thể cấp giấy chứng nhận đã học qua lớp bồi dưỡng tìm hiểu về Đoàn cho thanh, thiếu niên).

- Ở những nơi không có điều kiện mở lớp tập trung thì có hình phù hợp để thanh niên học tập thức, nghiên cứu sau đó kiểm tra.

d. Bước 4: Tiến hành các thủ tục và tổ chức kết nạp đoàn viên mới.

- Chi đoàn hướng dẫn thanh niên tự khai lý lịch và viết đơn (theo mẫu số đoàn viên).

- Hội nghị chi đoàn xét, báo cáo lên ban chấp hành đoàn cấp trên.

- Ban chấp hành đoàn cấp trên ra quyết định chuẩn y kết nạp.
- Chi đoàn tổ chức kết nạp đoàn viên mới, trao Huy hiệu Đoàn, Thẻ đoàn viên.
- Hoàn chỉnh hồ sơ để quản lý đoàn viên, tiếp tục bồi dưỡng tạo điều kiện để đoàn viên mới rèn luyện.

Đối với những nơi không có chi đoàn, ban chấp hành đoàn cơ sở hoặc chi đoàn cơ sở thực hiện quy trình công tác phát triển đoàn viên và quyết định kết nạp đoàn viên.

2. Điều 3.

2.1. Điều 3 (khoản 2). Quyền của đoàn viên trong việc ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đoàn.

a. Quyền ứng cử

- Đoàn viên có quyền ứng cử để bầu vào ban chấp hành các cấp của Đoàn, dù đoàn viên đó là đại biểu hay không là đại biểu của đại hội.

- Đoàn viên không phải là đại biểu của đại hội, ứng cử vào ban chấp hành Đoàn từ cấp huyện và tương đương trở lên phải gửi đơn xin ứng cử, sơ yếu lý lịch và nhận xét của ban chấp hành Đoàn cấp cơ sở nơi đoàn viên đang sinh hoạt đến ban chấp hành Đoàn cấp triệu tập đại hội chậm nhất 15 ngày trước khi khai mạc đại hội.

- Trường hợp đoàn viên đang sinh hoạt tại địa phương (đơn vị) này được tín nhiệm giới thiệu để bầu vào cơ quan lãnh đạo của đoàn ở địa phương (đơn vị) khác thì phải chuyển sinh hoạt đoàn về nơi đó trước khi thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự ứng cử (trừ trường hợp được chỉ định).

Ví dụ: Đoàn viên sinh hoạt tại xã A nhưng được tín nhiệm giới thiệu để bầu tham gia cơ quan lãnh đạo đoàn của xã B thì đoàn viên đó phải chuyển sinh hoạt đoàn về xã B trước khi thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự ứng cử.

- Tại đại hội đoàn viên, mọi đoàn viên đều có quyền ứng cử để bầu làm đại biểu đi dự đại hội Đoàn cấp trên, trường hợp đoàn viên không có mặt tại đại hội có thể ứng cử bằng đơn.

- Đại biểu chính thức của đại hội đại biểu, hội nghị đại biểu có quyền ứng cử để bầu làm đại biểu đi dự đại hội đại biểu hoặc hội nghị đại biểu Đoàn cấp trên.

b. Quyền đề cử

- Tại đại hội đoàn viên, tất cả đoàn viên đều có quyền đề cử đoàn viên để bầu vào ban chấp hành và bầu làm đại biểu đi dự đại hội đại biểu Đoàn cấp trên.

- Tại đại hội đại biểu, các đại biểu chính thức đều có quyền đề cử những đoàn viên là đại biểu và những đoàn viên không là đại biểu để bầu vào ban chấp hành (trường hợp đề cử cán bộ đoàn ngoài tuổi đoàn viên thì phải là đại biểu chính thức của đại hội) hoặc đề cử đại biểu chính thức vào danh sách bầu đoàn đại biểu đi dự đại hội Đoàn cấp trên.

- Trường hợp bầu trực tiếp bí thư tại đại hội thì đại biểu chính thức có quyền:

+ Đề cử ủy viên ban chấp hành để bầu làm bí thư (theo cách bầu thứ nhất tại mục 7.4, Điều 8 của Hướng dẫn này).

+ Đề cử đoàn viên là đại biểu hoặc không là đại biểu để bầu làm bí thư (theo cách bầu thứ hai tại mục 7.4, Điều 8 của Hướng dẫn này).

- Các ủy viên ban chấp hành có quyền đề cử ủy viên ban chấp hành để bầu vào ban thường vụ (những nơi không có ban thường vụ thì đề cử để bầu bí thư, phó bí thư), đề cử ủy viên ban thường vụ để bầu làm bí thư, phó bí thư.

- Ban chấp hành cấp triệu tập đại hội có trách nhiệm báo cáo với đại hội về công tác chuẩn bị nhân sự ban chấp hành khóa mới, được quyền giới thiệu danh sách để bầu vào ban chấp hành đoàn khóa mới và đoàn đại biểu dự đại hội đại biểu Đoàn cấp trên.

- Khi đề cử người vào danh sách bầu cử, người đề cử phải cung cấp trích ngang lý lịch của người được đề cử cho đại hội, hội nghị.

- Việc cho rút tên hay không cho rút tên khỏi danh sách bầu cử do Đại hội (hội nghị) quyết định bằng hình thức biểu quyết (giơ tay hoặc phiếu biểu quyết).

c. Quyền bầu cử

Đại biểu chính thức đủ tư cách có quyền bầu cử trong đại hội, hội nghị.

2.2. Điều 3 (khoản 3). Tham gia hoạt động Đoàn tại nơi cư trú.

a. Đoàn viên có quyền tham gia hoạt động Đoàn tại nơi cư trú và báo cáo với chi đoàn nơi đang học tập, lao động, công tác.

b. Chi đoàn, đoàn cơ sở xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tạo điều kiện để đoàn viên tham gia hoạt động đoàn tại nơi cư trú. Chi đoàn nơi cư trú có trách nhiệm nhận xét về việc tham gia hoạt động nơi cư trú của đoàn viên khi đoàn viên có yêu cầu. Nhận xét phải có xác nhận của Đoàn cơ sở.

c. Khi tham gia hoạt động đoàn tại nơi cư trú, đoàn viên được tham dự và đóng góp ý kiến tại các buổi sinh hoạt định kỳ của chi đoàn (nếu được ban chấp hành chi đoàn mời dự) nhưng không được tham gia biểu quyết các vấn đề của chi đoàn. Trường hợp cần thiết về công tác cán bộ, nếu có tín nhiệm để bầu vào cơ quan lãnh đạo thì phải chuyển hồ sơ đoàn viên về nơi cư trú trước khi thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự ứng cử. Đoàn viên hoạt động đoàn tại nơi cư trú ứng cử (hoặc được giới thiệu ứng cử) vào ban chấp hành đoàn xã, phường, thị trấn phải được sự đồng ý của cấp ủy đảng xã, phường, thị trấn, đoàn cấp trên trực tiếp. Trường hợp đoàn viên là đảng viên phải được sự đồng ý của chi bộ nơi học tập, lao động, công tác.

3. Điều 4.

3.1. Điều 4 (khoản 3). Việc xóa tên trong danh sách đoàn viên

a. Chi đoàn xem xét quyết định xóa tên đoàn viên và báo cáo lên đoàn cấp trên trực tiếp đối với trường hợp đoàn viên không tham gia sinh hoạt đoàn hoặc không đóng đoàn phí ba tháng trong một năm mà không có lý do chính đáng.

b. Trường hợp đoàn viên thường xuyên đi học tập, lao động, công tác ở xa không quá 1 năm, trong thời gian đó đoàn viên có báo cáo với ban chấp hành chi đoàn và sau mỗi đợt đi về vẫn tham gia sinh hoạt, đóng đoàn phí đầy đủ và có những đóng góp cho hoạt động của chi đoàn thì không coi là bỏ sinh hoạt và không xóa tên trong danh sách đoàn viên.

3.2. Điều 4 (khoản 4). Về đoàn viên danh dự

a. Đối tượng xét kết nạp

Những người đã trưởng thành đoàn có tâm huyết, có nhiều đóng góp với Đoàn, có uy tín trong thanh thiếu niên và xã hội, đồng ý làm đoàn viên danh dự.

b. Quy trình, thủ tục và thẩm quyền xét kết nạp

- Trong quá trình công tác, hoạt động, tổ chức cơ sở đoàn nhận thấy có những người đủ tiêu chuẩn và sẵn sàng làm đoàn viên danh dự thì báo cáo ban thường vụ huyện đoàn và tương đương xem xét quyết định.

- Đoàn cơ sở tổ chức lễ kết nạp đoàn viên danh dự trang trọng, có tính tôn vinh người được kết nạp và giáo dục đối với đoàn viên, thanh thiếu nhi.

c. Quyền và nghĩa vụ của đoàn viên danh dự

- Được tham dự một số sinh hoạt và hoạt động của Đoàn.

- Được tham gia thảo luận, hoạt động và đề xuất ý kiến về các công việc của Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi.

- Tích cực tham gia vào công tác giáo dục đoàn viên, thanh thiếu nhi, tuyên truyền, mở rộng ảnh hưởng của Đoàn trong thanh thiếu nhi và xã hội.

d. Các trường hợp thôi là đoàn viên danh dự

- Đoàn viên danh dự có đề nghị xin thôi là đoàn viên danh dự thì ban thường vụ đoàn cấp huyện nơi kết nạp hoặc nơi đoàn viên danh dự sinh sống, học tập, công tác ra thông báo cho thôi là đoàn viên danh dự.

- Đoàn viên danh dự vi phạm pháp luật, kỷ luật, đạo đức có ảnh hưởng đến uy tín của Đoàn thì ban thường vụ đoàn cấp huyện nơi kết nạp hoặc nơi người đó sinh sống, học tập, công tác quyết định xóa tên đoàn viên danh dự.

3.3. Điều 4 (khoản 5). Về công tác quản lý đoàn viên

a. Hồ sơ và quản lý đoàn viên

Mỗi đoàn viên TNCS Hồ Chí Minh đều có Sổ đoàn viên, Huy hiệu Đoàn và Thẻ đoàn viên.

- Hồ sơ đoàn viên: là Sổ đoàn viên theo mẫu do Ban Bí thư Trung ương Đoàn ban hành. Sổ đoàn viên do Đoàn cơ sở, chi đoàn cơ sở quản lý. Đối với các trường tương đương cấp huyện trong khối trường học, hồ sơ đoàn viên do Đoàn trường quản lý.

- Quản lý đoàn viên:

+ Ban chấp hành chi đoàn phải có Sổ chi đoàn theo mẫu do Ban Bí thư Trung ương Đoàn ban hành.

+ Ban chấp hành đoàn cơ sở có sổ danh sách đoàn viên, theo dõi kết nạp đoàn viên và trao Thẻ đoàn viên; sổ giới thiệu và tiếp nhận sinh hoạt đoàn.

+ Hằng năm, ban chấp hành chi đoàn có trách nhiệm ghi nhận xét ưu, khuyết điểm, khen thưởng, kỷ luật và kết quả phân loại đoàn viên vào sổ của từng đoàn viên.

+ Chi đoàn, đoàn cơ sở hàng quý; đoàn cấp huyện, cấp tỉnh và tương đương 06 tháng, 01 năm có trách nhiệm báo cáo đầy đủ tình hình công tác đoàn viên của đơn vị mình đối với đoàn cấp trên trực tiếp.

+ Đoàn viên phải có sổ đoàn viên để lưu kết quả đánh giá, nhận xét, phân loại đoàn viên hằng năm. Khuyến khích các cơ sở Đoàn ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện các nghiệp vụ trong công tác quản lý đoàn viên.

b. Sử dụng Huy hiệu Đoàn

- Cán bộ, đoàn viên đeo Huy hiệu Đoàn vào các ngày lễ của Đoàn, lễ kết nạp đoàn viên và các sinh hoạt, hội họp của Đoàn.

- Khuyến khích đoàn viên đeo Huy hiệu Đoàn trong giờ làm việc, trong giờ học.

c. Thẻ đoàn viên

- Thẻ đoàn viên có giá trị chứng nhận tư cách đoàn viên Đoàn TNCS Hồ Chí Minh do Ban Chấp hành Trung ương Đoàn thống nhất phát hành.

- Đoàn viên được cấp Thẻ đoàn viên trong lễ kết nạp hoặc chậm nhất không quá 1 tháng kể từ ngày được kết nạp vào Đoàn. Việc cấp Thẻ đoàn viên do ban thường vụ đoàn cấp huyện quyết định.

- Thẻ đoàn viên được dùng để đăng ký tham gia sinh hoạt đoàn tạm thời và xuất trình khi cần.

- Đoàn viên không được cho người khác mượn Thẻ đoàn viên; khi trưởng thành đoàn, đoàn viên được giữ lại Thẻ đoàn viên.

- Đoàn viên bị kỷ luật khai trừ thì bị thu hồi Thẻ đoàn viên; đoàn viên sử dụng Thẻ đoàn viên sai mục đích thì tùy mức độ bị xem xét xử lý kỷ luật. Ban chấp hành chi đoàn, ban thường vụ đoàn cơ sở có trách nhiệm thu hồi Thẻ đoàn viên và nộp cho đoàn cấp huyện quản lý.

- Trung ương Đoàn quản lý số lượng và số hiệu thẻ đoàn viên trên toàn quốc. Các cấp bộ đoàn quản lý số lượng và số hiệu thẻ đoàn viên của địa phương, đơn vị.

d. Việc khôi phục hồ sơ đoàn viên, Thẻ đoàn viên khi thất lạc

- Trường hợp thất lạc Thẻ đoàn viên nhưng còn Sổ đoàn viên

Trường hợp thất lạc Thẻ đoàn viên nhưng còn Sổ đoàn viên thì đoàn viên làm đơn gửi ban chấp hành chi đoàn để đề nghị đoàn cơ sở tiến hành thủ tục cấp lại Thẻ đoàn viên. Trên cơ sở đề nghị của chi đoàn, ban chấp hành Đoàn cơ sở xem xét đề nghị ban thường vụ Đoàn cấp huyện cấp lại Thẻ cho đoàn viên.

- Trường hợp thất lạc Sổ đoàn viên nhưng còn Thẻ đoàn viên

+ Trong trường hợp này, đoàn viên chỉ được cấp lại Sổ đoàn viên mới khi vẫn tham gia sinh hoạt liên tục trong quá trình thất lạc Sổ đoàn viên và được ban chấp hành chi đoàn chứng nhận đến thời điểm đề nghị được cấp lại Sổ.

+ Quy trình, thủ tục đề nghị cấp lại Sổ đoàn viên: Đoàn viên làm đơn đề nghị được cấp lại Sổ đoàn viên gửi ban chấp hành chi đoàn để đề nghị ban chấp hành đoàn cơ sở xem xét cấp lại Sổ đoàn viên. Trong trường hợp đoàn viên chuyển đến đơn vị lao động, học tập, công tác nhưng bị thất lạc Sổ đoàn viên mà hiện tại vẫn đang sinh hoạt đoàn đầy đủ thì khi đề nghị được cấp lại Sổ đoàn viên mới phải có xác nhận tư cách đoàn viên của Đoàn cơ sở nơi sinh hoạt trước khi mất Sổ đoàn viên (trong thời gian không quá 03 tháng tính đến ngày đề nghị được cấp lại Sổ đoàn viên). Sổ đoàn viên cấp lại được Đoàn cơ sở đóng dấu xác nhận

“Sổ cấp lại” vào thời điểm cấp lại sổ. Nếu là chi đoàn cơ sở thì trực tiếp thực hiện quy trình, thủ tục đối với đoàn viên bị thất lạc Sổ đoàn viên.

- Trường hợp thất lạc Thẻ đoàn viên và Sổ đoàn viên nhưng còn quyết định (nghị quyết) chuẩn y kết nạp đoàn viên thì đoàn viên làm đơn gửi ban chấp hành chi đoàn đề nghị cấp lại Sổ đoàn viên và đề đoàn cơ sở tổng hợp, trình ban thường vụ đoàn cấp huyện cấp lại Thẻ đoàn viên theo quy định.

- Trường hợp khác: Đối với các trường hợp bị thất lạc hồ sơ đoàn viên nếu không đảm bảo điều kiện để khôi phục lại thì bồi dưỡng, xét kết nạp đoàn viên như Điều 1, Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

đ. Chuyển sinh hoạt đoàn

- Nguyên tắc:

+ Đoàn viên khi thay đổi nơi cư trú, đơn vị công tác, học tập phải chuyển sinh hoạt đoàn.

+ Chi đoàn, đoàn cơ sở, chi đoàn cơ sở có trách nhiệm chuyển sinh hoạt Đoàn cho đoàn viên.

- Quy trình chuyển sinh hoạt đoàn:

+ Đoàn viên khi chuyển sinh hoạt đoàn thì đề nghị ban chấp hành chi đoàn (hoặc chi đoàn cơ sở) nơi đang sinh hoạt để được chuyển sinh hoạt.

+ Trách nhiệm của ban chấp hành chi đoàn:

Nhận xét đoàn viên vào Sổ đoàn viên và thu đoàn phí đến thời điểm chuyển sinh hoạt đoàn (trường hợp đoàn viên sinh hoạt tại chi đoàn cơ sở thì ban chấp hành chi đoàn cơ sở nhận xét, thu đoàn phí và trực tiếp tiến hành thủ tục chuyển sinh hoạt đoàn cho đoàn viên).

Giới thiệu đoàn viên đến đoàn cơ sở để làm tiếp thủ tục chuyển sinh hoạt Đoàn.

Tiếp nhận đoàn viên do đoàn cơ sở hoặc chi đoàn cơ sở giới thiệu đến sinh hoạt.

+ Trách nhiệm của đoàn cơ sở, chi đoàn cơ sở:

Trường hợp đoàn viên chuyển sinh hoạt trong cùng một đoàn cơ sở thì ban chấp hành đoàn cơ sở giới thiệu đoàn viên về sinh hoạt tại chi đoàn mới.

Trường hợp đoàn viên chuyển sinh hoạt sang đoàn cơ sở khác thì ban chấp hành đoàn cơ sở giới thiệu đến ban chấp hành đoàn cơ sở mới.

Khi tiếp nhận đoàn viên từ nơi khác giới thiệu đến, ban chấp hành đoàn cơ sở giới thiệu đoàn viên về sinh hoạt tại chi đoàn trực thuộc.

- Một số trường hợp khác:

+ Đoàn viên là bộ đội xuất ngũ, chuyển ngành, là học sinh, sinh viên đã tốt nghiệp các trường đang trong thời gian chờ để chuyển lĩnh vực công tác, học tập, lao động mới nếu thời gian chờ từ 03 tháng trở lên thì phải chuyển sinh hoạt về cơ sở đoàn nơi đoàn viên cư trú.

+ Chuyển sinh hoạt đoàn tạm thời:

Đoàn viên đi học tập, lao động, công tác, đoàn viên là học sinh, sinh viên trong thời gian nghỉ hè, đi thực tập, thực tế với thời gian không quá 03 tháng thì chuyển sinh hoạt đoàn tạm thời đến cơ sở đoàn nơi học tập, lao động, công tác hoặc nơi cư trú mới. Đoàn cơ sở (chi đoàn cơ sở) có trách nhiệm làm thủ tục giới thiệu và tiếp nhận đoàn viên chuyển sinh hoạt đoàn tạm thời.

Việc chuyển sinh hoạt đoàn tạm thời có thể thực hiện bằng thẻ đoàn viên hoặc giấy chuyển sinh hoạt đoàn tạm thời theo mẫu do Ban Bí thư Trung ương Đoàn quy định.

Trong thời gian sinh hoạt tạm thời, đoàn viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 2, Điều 3 của Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trừ quyền ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo của Đoàn nơi đang sinh hoạt tạm thời.

+ Đoàn viên chuyển đến những nơi chưa có tổ chức Đoàn vẫn phải làm thủ tục chuyển sinh hoạt đoàn như đã quy định. Khi đến nơi mới, xuất trình hồ sơ và báo cáo với tổ chức Đảng, khi chuyển công tác đi nơi khác đề nghị tổ chức Đảng nhận xét ưu, khuyết điểm và giới thiệu về ban chấp hành đoàn cơ sở nơi tiếp nhận đoàn viên. Trường hợp nơi đoàn viên lao động, học tập, công tác không có tổ chức Đảng, Đoàn thì đoàn viên đó phải sinh hoạt Đoàn ở nơi cư trú.

+ Trường hợp do thất lạc hồ sơ đoàn viên thì thủ tục chuyển sinh hoạt đoàn phải có bản tường trình và xác nhận của cơ sở đoàn nơi chuyển đi, được làm lại hồ sơ tại nơi chuyển đến. Trường hợp còn thẻ đoàn viên hoặc những văn bản xác nhận là đoàn viên, đảm bảo các quy định của Điều lệ Đoàn thì làm lại sổ đoàn viên tại nơi chuyển đến (theo mục 3.3, Điều 4, Khoản 5, điểm d của Hướng dẫn này). Các trường hợp khác thì bồi dưỡng, xét kết nạp đoàn viên như Điều 1, Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

e. Chuyển sinh hoạt đoàn ra nước ngoài, từ nước ngoài về nước:

- Chuyển sinh hoạt Đoàn ra nước ngoài

Đoàn viên ra nước ngoài công tác, lao động, học tập thời gian từ trên 3 tháng đến 12 tháng thì chuyển sinh hoạt đoàn tạm thời. Trước khi ra nước ngoài, đoàn viên báo cáo chi đoàn, đoàn cơ sở nơi đang sinh hoạt. Sau khi kiểm tra quyết định của cấp có thẩm quyền cho đoàn viên ra nước ngoài công tác, lao động, học tập, đoàn cơ sở nơi trực tiếp quản lý đoàn viên cấp “Giấy giới thiệu chuyển sinh hoạt Đoàn ra ngoài nước” cho đoàn viên (theo mẫu do Ban Bí thư Trung ương Đoàn ban hành). Khi ra nước ngoài, đoàn viên mang theo giấy chuyển sinh hoạt đoàn để đăng ký tham gia sinh hoạt với tổ chức Đoàn nơi đến. Nếu nơi đến chưa có tổ chức Đoàn thì đăng ký danh sách với tổ chức Đảng để được theo dõi, giúp đỡ và xác nhận thời gian tham gia hoạt động tại nước ngoài (hồ sơ đoàn viên lưu tại Đoàn cơ sở trong nước).

Đoàn viên ra nước ngoài từ 1 năm trở lên thì làm thủ tục chuyển sinh hoạt Đoàn. Ban chấp hành chi đoàn nơi đoàn viên đang sinh hoạt ghi nhận xét vào sổ đoàn viên, thu đoàn phí đến thời điểm chuyển sinh hoạt đoàn và giới thiệu lên Đoàn cơ sở (trường hợp đoàn viên sinh hoạt tại chi đoàn cơ sở thì ban chấp hành chi đoàn cơ sở nhận xét, thu đoàn phí và trực tiếp tiến hành thủ tục chuyển sinh hoạt đoàn cho đoàn viên). Trên cơ sở đó, Ban chấp hành Đoàn cơ sở (chi đoàn cơ sở) viết “Giấy giới thiệu chuyển sinh hoạt Đoàn ra ngoài nước” (theo mẫu do Ban Bí thư Trung ương Đoàn ban hành) và giới thiệu đoàn viên đến Đoàn cấp cơ sở nơi đoàn viên đến lao động, học tập, công tác (hồ sơ đoàn viên lưu tại Đoàn cơ sở trong nước). Đoàn cơ sở tiếp nhận và giới thiệu đoàn viên về tham gia sinh hoạt tại một chi đoàn phù hợp. Trường hợp cấp ủy tiếp nhận đoàn viên thì phân công đảng viên trong chi bộ Đảng tại cơ sở phụ trách, quản lý đoàn viên

trong thời gian ở nước ngoài, đồng thời báo cáo với cấp ủy Đảng cấp trên về việc tiếp nhận đoàn viên.

Trường hợp nơi đoàn viên lao động, học tập, công tác chưa có tổ chức Đoàn và chưa có tổ chức Đảng thì đoàn viên được miễn chuyển sinh hoạt Đoàn. Đoàn viên phải đảm bảo có sự liên hệ với tổ chức đoàn nơi sinh hoạt ở Việt Nam.

- Chuyên sinh hoạt Đoàn từ nước ngoài về Việt Nam

Trước khi đoàn viên trở về Việt Nam, tổ chức Đoàn hoặc cấp ủy (lãnh đạo đơn vị) xác nhận thời gian sinh hoạt tạm thời hoặc thời gian tham gia hoạt động Đoàn tại nước ngoài. Khi đoàn viên về Việt Nam, báo cáo chi đoàn (gửi kèm theo bản nhận xét về quá trình tham gia sinh hoạt đoàn ở nước ngoài cho chi đoàn). Ban chấp hành chi đoàn tiếp nhận bản nhận xét và báo cáo Đoàn cấp trên trực tiếp về việc tiếp nhận đoàn viên.

Đối với những nơi chưa có tổ chức Đoàn nhưng có tổ chức Đảng ở ngoài nước thì trước khi về nước đoàn viên đề nghị tổ chức Đảng xác nhận thời gian sinh hoạt hoặc tham gia hoạt động tại nước ngoài, khi về Việt Nam báo cáo đoàn cơ sở và gửi kèm theo bản nhận xét về quá trình tham gia sinh hoạt, hoạt động ở nước ngoài (nếu có) và đề nghị đoàn cơ sở chuyển sinh hoạt đoàn về chi đoàn, nộp đoàn phí theo quy định trong thời gian hoạt động, công tác ở nước ngoài. Ban chấp hành Đoàn cơ sở tổ chức tiếp nhận và chuyển đoàn viên về chi đoàn phù hợp.

Trường hợp đoàn viên được miễn chuyển sinh hoạt đoàn: khi về nước có báo cáo quá trình hoạt động ở nước ngoài, nếu đảm bảo điều kiện theo quy định thì tổ chức cơ sở Đoàn thực hiện việc tiếp nhận sinh hoạt đoàn cho đoàn viên theo quy định.

f. Về quản lý đoàn viên đi lao động ở xa, thời gian không ổn định

Đoàn viên lao động ở xa, thời gian không ổn định là những đoàn viên rời khỏi địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đến địa phương khác để lao động với việc làm và thời gian không ổn định, không có điều kiện sinh hoạt Đoàn thường xuyên nơi cư trú.

- Trách nhiệm của đoàn viên:

+ Trước mỗi đợt đi lao động ở xa phải báo cáo với ban chấp hành chi đoàn về địa chỉ nơi đến để chi đoàn, đoàn cơ sở hướng dẫn thủ tục chuyển sinh hoạt đoàn tạm thời và giúp đỡ.

+ Khi đến nơi lao động, đoàn viên liên hệ với chi đoàn, đoàn cơ sở nơi đến để đăng ký tham gia sinh hoạt đoàn; được dùng thẻ đoàn viên hoặc giấy chuyển sinh hoạt đoàn để sinh hoạt tạm thời.

- Trách nhiệm của cơ sở đoàn nơi đoàn viên đi:

Chi đoàn lập sổ theo dõi danh sách đoàn viên kèm theo địa chỉ nơi đến của số đoàn viên đi lao động ở xa, thời gian không ổn định và báo cáo cho đoàn cơ sở để theo dõi. Đoàn cơ sở chuyển sinh hoạt đoàn tạm thời cho đoàn viên bằng giấy chuyển sinh hoạt hoặc hướng dẫn đoàn viên dùng thẻ đoàn viên để đăng ký sinh hoạt tạm thời.

- Trách nhiệm của cơ sở đoàn nơi đoàn viên đến:

+ Đoàn cơ sở tiếp nhận thủ tục sinh hoạt tạm thời và giới thiệu đoàn viên về các chi đoàn.

+ Những địa bàn tập trung đông đoàn viên là lao động tự do và đã có đăng ký tạm trú thì đoàn cơ sở ở nơi đó có thể thành lập các chi đoàn trực thuộc để tổ chức các hoạt động.

4. Điều 5 (khoản 2). Số lượng ủy viên ban chấp hành đoàn các cấp

4.1. Chi đoàn

a. Có dưới 09 đoàn viên: có bí thư, nếu cần thiết thì có thể có 01 phó bí thư.

b. Có từ 09 đoàn viên trở lên: ban chấp hành có từ 03 đến 05 ủy viên, trong đó có bí thư và phó bí thư.

4.2. Đoàn cơ sở: ban chấp hành có từ 05 đến 15 ủy viên. Nếu ban chấp hành có dưới 09 ủy viên thì có bí thư và 01 phó bí thư; có từ 09 ủy viên trở lên thì bầu ban thường vụ gồm bí thư, phó bí thư và các ủy viên ban thường vụ; trường hợp cần thiết, sau khi xin ý kiến và được sự đồng ý của cấp ủy đảng cùng cấp và đoàn cấp trên trực tiếp ban chấp hành có thể bầu 02 phó bí thư.

4.3. Đoàn cấp huyện: ban chấp hành có từ 15 đến 33 ủy viên; ban thường vụ có từ 05 đến 11 ủy viên. Trong ban thường vụ có bí thư và từ 01 đến 02 phó bí thư, trường hợp đặc biệt có thể có 03 phó bí thư do ban chấp hành quyết định sau khi xin ý kiến và được sự đồng ý của cấp ủy đảng cùng cấp và đoàn cấp trên trực tiếp.

4.4. Đoàn cấp tỉnh: ban chấp hành có từ 21 đến 45 ủy viên; ban thường vụ có từ 07 đến 15 ủy viên và không quá 3 phó bí thư.

a. Tỉnh đoàn Thanh Hóa, Tỉnh đoàn Nghệ An được phép bầu không quá 55 ủy viên ban chấp hành, 17 ủy viên ban thường vụ và 04 phó bí thư. Thành đoàn Hà Nội, Thành đoàn thành phố Hồ Chí Minh được phép bầu không quá 61 ủy viên ban chấp hành, 19 ủy viên ban thường vụ và 04 phó bí thư.

b. Trường hợp đặc biệt do ban thường vụ Trung ương Đoàn quyết định.

5. Điều 6.

5.1. Điều 6 (khoản 2): thành lập, chuyển giao, tiếp nhận, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể tổ chức đoàn; thay đổi cấp bộ đoàn (nâng cấp, hạ cấp)

a. Thành lập tổ chức Đoàn

- Thẩm quyền: việc thành lập tổ chức đoàn do đoàn cấp trên trực tiếp quyết định sau khi hiệp y thống nhất chủ trương với cấp uỷ cùng cấp (hoặc lãnh đạo đơn vị nếu chưa có cấp uỷ). Riêng đối với việc thành lập đoàn cơ sở được giao quyền cấp trên cơ sở và đoàn bộ phận, thực hiện theo quy định tại mục 5.2, Điều 6, Khoản 2, điểm a của Hướng dẫn này.

- Quy trình, thủ tục

+ Cấp ủy đảng (hoặc lãnh đạo đơn vị nếu chưa có cấp uỷ) gửi hồ sơ đến tổ chức đoàn có thẩm quyền thành lập, gồm:

Văn bản đề nghị thành lập tổ chức đoàn tại đơn vị.

Đề án thành lập tổ chức đoàn.

Dự thảo phương hướng hoạt động của tổ chức Đoàn trong thời gian lâm thời.

Danh sách trích ngang ban chấp hành lâm thời dự kiến chỉ định hoặc danh sách ban chấp hành hiện tại (áp dụng đối với tổ chức đoàn vẫn đảm bảo số lượng ban chấp hành khi nâng cấp hoặc hạ cấp).

Lý lịch theo mẫu quy định (bản gốc có dán ảnh mới nhất và có xác nhận của cấp ủy đảng hoặc lãnh đạo đơn vị đối với những nơi chưa có cấp ủy) đối với các chức danh ủy viên ban thường vụ, Phó Bí thư, Bí thư.

Danh sách đoàn viên.

+ Tổ chức đoàn có thẩm quyền tiếp nhận và thẩm định hồ sơ; làm việc với cấp ủy, lãnh đạo đơn vị (có biên bản làm việc).

+ Tổ chức đoàn có thẩm quyền ra Quyết định thành lập; phối hợp với cấp ủy, lãnh đạo đơn vị tổ chức lễ công bố quyết định thành lập tổ chức đoàn.

+ Sau khi tổ chức đoàn được thành lập, đơn vị ra quyết định thành lập có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức đoàn mới thành lập thực hiện hồ sơ đề nghị cấp con dấu theo quy định.

Lưu ý: Trong trường hợp đoàn cấp trên có chủ trương thành lập đoàn cấp dưới thì chủ động làm việc cấp ủy cấp dưới (hoặc lãnh đạo đơn vị nếu chưa có cấp ủy) để thống nhất chủ trương thành lập tổ chức đoàn.

b. Chuyển giao và tiếp nhận tổ chức đoàn

- Các trường hợp chuyển giao và tiếp nhận tổ chức đoàn:

+ Chuyển giao và tiếp nhận một tổ chức đoàn được tiến hành khi có sự thay đổi địa giới hành chính, cơ cấu tổ chức, cơ cấu ngành, v.v...

+ Đơn vị có tổ chức đoàn chuyển đến nơi mới không tiếp tục nằm trong sự quản lý lãnh đạo của địa phương hay cơ quan quản lý cũ.

+ Trường hợp một bộ phận đoàn viên của tổ chức đoàn ở quá xa trung tâm điều hành và quản lý gây nhiều khó khăn trong chỉ đạo và sinh hoạt đoàn thì có thể chuyển giao bộ phận đó về với tổ chức đoàn theo khu vực hành chính nơi cơ quan, đơn vị đóng trụ sở sau khi xin ý kiến của đoàn cấp trên trực tiếp.

- Cấp chuyển giao, tiếp nhận:

+ Ban thường vụ đoàn cơ sở chuyển giao, tiếp nhận chi đoàn.

+ Ban thường vụ đoàn cấp huyện chuyển giao, tiếp nhận đoàn cơ sở, chi đoàn cơ sở.

+ Ban thường vụ đoàn cấp tỉnh chuyển giao, tiếp nhận đoàn cấp huyện.

+ Trường hợp cấp bộ đoàn chuyển giao hoặc tiếp nhận không ngang cấp với tổ chức đoàn được chuyển giao, tiếp nhận (đoàn cấp huyện về trực thuộc đoàn cơ sở, đoàn cơ sở về trực thuộc chi đoàn...) thì ban thường vụ đoàn cấp trên trực tiếp của các đơn vị chuyển giao, tiếp nhận trên cơ sở làm việc với tổ chức đoàn và cấp ủy các đơn vị để thống nhất quyết định chuyển giao, tiếp nhận tổ chức Đoàn.

- Thủ tục chuyển giao và tiếp nhận:

+ Công văn đề nghị của tổ chức đoàn chuyển đi gửi đoàn cấp trên trực tiếp và cấp bộ đoàn tiếp nhận.

+ Công văn của cấp bộ đoàn cấp trên trực tiếp có tổ chức Đoàn chuyển đi gửi cấp bộ đoàn tiếp nhận.

+ Danh sách ban chấp hành đoàn, ủy ban kiểm tra, cán bộ đoàn chuyên trách (nếu có); bảng thống kê số lượng, chất lượng đoàn viên, đội ngũ cán bộ đoàn và tổ chức đoàn của đơn vị chuyển đi.

+ Quyết định của cấp bộ đoàn có trách nhiệm tiếp nhận.

- Nội dung chuyển giao và tiếp nhận:

+ Tình hình tư tưởng của cán bộ, đoàn viên thanh niên.

+ Công tác tổ chức, cán bộ.

+ Những nhiệm vụ công tác đang tiến hành cần tiếp tục giải quyết.

+ Các loại văn bản, sổ sách đoàn vụ và tài chính, tài sản.

c. Chia tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức Đoàn

- Chia tách tổ chức đoàn trong các trường hợp:

Có sự chia tách đơn vị hành chính, cơ quan, doanh nghiệp, trường học, v.v... thành các đơn vị (như chia tách một tỉnh, huyện, xã thành nhiều tỉnh, huyện, xã; chia tách một bộ, sở thành nhiều bộ, sở; v.v...) theo đó, tổ chức Đoàn thuộc các đơn vị này cũng chia tách thành hai hay nhiều tổ chức Đoàn.

- Sáp nhập, hợp nhất tổ chức đoàn trong các trường hợp:

Có sự sáp nhập hoặc hợp nhất đơn vị hành chính, cơ quan, doanh nghiệp, trường học, v.v... thành một tổ chức đoàn (như sáp nhập hoặc hợp nhất hai hay nhiều tỉnh, huyện, xã thành một tỉnh, huyện, xã; sáp nhập hai hay nhiều bộ, sở thành một bộ, sở; v.v...) theo đó, tổ chức đoàn thuộc các đơn vị này cũng sáp nhập, hợp nhất thành một tổ chức Đoàn.

- Việc chia tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức đoàn có thể diễn ra đồng thời trong trường hợp chia tách các bộ phận của hai hay nhiều đơn vị hành chính, cơ quan, doanh nghiệp, trường học v.v... để sáp nhập hoặc hợp nhất các bộ phận đó lại thành một đơn vị (như tách một hay nhiều huyện của hai hay nhiều tỉnh để thành lập tỉnh mới) theo đó tổ chức đoàn của những đơn vị này cũng được chia tách để sáp nhập hoặc hợp nhất thành một tổ chức đoàn mới.

Việc xác định cấp của tổ chức đoàn được chia tách, sáp nhập, hợp nhất do đoàn cấp trên trực tiếp quyết định.

- Thẩm quyền quyết định chia tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức đoàn

+ Chia tách:

Ban thường vụ đoàn cấp trên trực tiếp xem xét quyết định chia tách tổ chức đoàn.

Sau khi thống nhất với cấp ủy đảng (nếu có) của đơn vị chia tách, ban thường vụ đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư lâm thời của các tổ chức đoàn mới chia tách.

+ Sáp nhập, hợp nhất:

Ban thường vụ đoàn cấp trên trực tiếp xem xét quyết định sáp nhập, hợp nhất tổ chức đoàn.

Sau khi thống nhất với cấp ủy đảng (nếu có) của đơn vị mới sáp nhập, ban thường vụ đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư lâm thời của tổ chức đoàn mới sáp nhập.

- Hồ sơ chia tách, sáp nhập gồm:

+ Văn bản đề nghị của tổ chức Đoàn được chia tách, các tổ chức Đoàn được sáp nhập gửi cấp bộ đoàn cấp trên trực tiếp.

+ Đề án chia tách hoặc sáp nhập tổ chức Đoàn có ý kiến nhất trí của cấp ủy (nếu có).

+ Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc chia tách hoặc sáp nhập đơn vị hành chính, cơ quan, doanh nghiệp, trường học .v.v...

- Trường hợp chia tách để sáp nhập thành một tổ chức Đoàn mới thì thẩm quyền quyết định và thủ tục như thành lập tổ chức Đoàn mới.

d. Giải thể tổ chức Đoàn

- Trường hợp áp dụng: đối với các đơn vị đã giải thể về mặt chính quyền hoặc những chi đoàn không còn đủ số lượng đoàn viên theo quy định.

- Thẩm quyền: cấp bộ Đoàn nào quyết định thành lập thì cấp bộ Đoàn đó có thẩm quyền ra quyết định giải thể và báo cáo Đoàn cấp trên trực tiếp.

- Quy trình, thủ tục:

+ Tổ chức Đoàn phải giải thể có văn bản báo cáo cấp ủy đảng (hoặc lãnh đạo đơn vị nếu chưa có cấp ủy) về việc đề nghị giải thể.

+ Tổ chức Đoàn phải giải thể gửi văn bản đề nghị giải thể có ý kiến đồng ý của cấp ủy hoặc lãnh đạo đơn vị và các văn bản có liên quan đến nguyên nhân giải thể cho Đoàn cấp trên trực tiếp.

+ Đoàn cấp trên trực tiếp xem xét hồ sơ, làm việc với tổ chức Đoàn và cấp ủy đảng hoặc lãnh đạo đơn vị thống nhất chủ trương (có biên bản làm việc).

+ Đoàn cấp trên trực tiếp ban hành quyết định giải thể.

Trong trường hợp đoàn cấp dưới không chủ động thực hiện quy trình giải thể tổ chức đoàn, đoàn cấp trên có quyền làm việc cấp ủy cấp dưới (hoặc lãnh đạo đơn vị nếu chưa có cấp ủy) để thống nhất chủ trương giải thể tổ chức đoàn.

đ. Thay đổi cấp bộ Đoàn (nâng cấp, hạ cấp)

- Trường hợp áp dụng: khi tổ chức Đoàn có sự thay đổi về số lượng đoàn viên hoặc thay đổi về quy mô, cơ cấu tổ chức.

- Thẩm quyền: Đoàn cấp trên trực tiếp quyết định.

- Quy trình, thủ tục:

+ Tổ chức đoàn đề nghị thay đổi cấp bộ Đoàn gửi toàn bộ hồ sơ đề nghị cho Đoàn cấp trên trực tiếp gồm:

Công văn đề nghị thay đổi cấp bộ Đoàn có ý kiến thống nhất của cấp ủy đơn vị (hoặc lãnh đạo đơn vị nếu chưa có cấp ủy).

Đề án thay đổi cấp bộ Đoàn.

Dự thảo phương hướng hoạt động của tổ chức Đoàn trong thời gian lâm thời sau khi thay đổi cấp bộ Đoàn.

Danh sách trích ngang ban chấp hành lâm thời dự kiến chỉ định.

Lý lịch theo mẫu quy định (bản gốc có dán ảnh mới nhất và có xác nhận của cơ quan chủ quản) đối với các chức danh ủy viên ban thường vụ (nếu có), Bí thư, Phó Bí thư.

+ Tổ chức Đoàn có thẩm quyền tiếp nhận và thẩm định hồ sơ; làm việc với tổ chức Đoàn, cấp ủy, lãnh đạo đơn vị để thống nhất (có biên bản làm việc).

+ Ban Thường vụ Đoàn có thẩm quyền ra quyết định thay đổi cấp bộ Đoàn; phối hợp tổ chức lễ trao quyết định.

+ Tổ chức Đoàn thay đổi cấp bộ Đoàn tiến hành các thủ tục đề nghị cấp đổi con dấu theo quy định.

Trong trường hợp đoàn cấp trên thấy cần thiết có chủ trương thay đổi cấp bộ Đoàn (nâng cấp, hạ cấp) thì chủ động làm việc cấp ủy cấp dưới (hoặc lãnh đạo đơn vị nếu chưa có cấp ủy) để thống nhất chủ trương thay đổi cấp bộ Đoàn.

e. Cách tính nhiệm kỳ của tổ chức Đoàn thành lập mới; chia tách, sáp nhập, hợp nhất; thay đổi cấp bộ Đoàn (nâng cấp, hạ cấp)

- Thành lập mới; sáp nhập, hợp nhất: nhiệm kỳ được tính từ thời điểm tiến hành đại hội, số thứ tự đại hội được tính là lần thứ nhất (trừ trường hợp sáp nhập tổ chức đoàn cấp thấp hơn trở thành một bộ phận của tổ chức đoàn cấp trên thì số thứ tự được tính theo nhiệm kỳ tổ chức đoàn cấp trên).

- Chia tách:

+ Các đơn vị không thay đổi tên gọi và cấp bộ đoàn thì nhiệm kỳ đại hội và số thứ tự đại hội được giữ nguyên, không thay đổi.

+ Các đơn vị thành lập với tên gọi mới và mô hình tổ chức bộ máy có sự thay đổi thì nhiệm kỳ được tính từ thời điểm tiến hành đại hội. Số thứ tự đại hội được tính là lần thứ nhất.

+ Các đơn vị thay đổi tên gọi nhưng mô hình tổ chức bộ máy không có sự thay đổi thì nhiệm kỳ đại hội và số thứ tự đại hội được giữ nguyên, không thay đổi.

- Thay đổi cấp bộ Đoàn (nâng cấp, hạ cấp): số thứ tự đại hội được giữ nguyên.

5.2. Điều 6 (khoản 2). Tổ chức Đoàn tương đương cấp huyện, đoàn cơ sở được giao quyền cấp trên cơ sở

a. Điều kiện xét công nhận tổ chức Đoàn tương đương cấp huyện và đoàn cơ sở được giao quyền cấp trên cơ sở:

- Có từ 1.000 đoàn viên trở lên đối với đoàn tương đương cấp huyện và từ 500 đoàn viên trở lên đối với đoàn cơ sở được giao quyền cấp trên cơ sở.

- Là đơn vị có nhiệm vụ chính trị quan trọng, có mối liên hệ với nhiều ngành, nhiều đơn vị trong công tác và sinh hoạt hoặc hoạt động ở nhiều lĩnh vực, địa bàn, tính chất công việc độc lập.

- Có cán bộ đoàn chuyên trách.

- Có văn phòng làm việc và nguồn kinh phí hoạt động ổn định.

- Được cấp ủy, chính quyền cùng cấp và đoàn cấp trên trực tiếp xác nhận và đề nghị công nhận là tổ chức Đoàn tương đương cấp huyện hoặc đoàn cơ sở được giao quyền cấp trên cơ sở.

b. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức Đoàn tương đương cấp huyện, đoàn cơ sở được giao quyền cấp trên cơ sở

- Đoàn tương đương cấp huyện trực thuộc đoàn cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn, bộ máy và con dấu như đoàn cấp huyện.

- Đoàn cơ sở được giao quyền cấp trên cơ sở (gọi tắt là đoàn cấp trên cơ sở) có nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, con dấu, nhiệm kỳ như đoàn cấp huyện và trực thuộc sự quản lý, chỉ đạo của đoàn cấp huyện hoặc đoàn tương đương cấp huyện.

c. Thẩm quyền quyết định công nhận tổ chức Đoàn tương đương cấp huyện và đoàn cấp trên cơ sở:

- Ban thường vụ đoàn cấp tỉnh căn cứ đề nghị của ban thường vụ đoàn cấp huyện và tương đương, căn cứ các điều kiện đã quy định (tại mục 5.2, Điều 6, Khoản 2, điểm a của Hướng dẫn này) để xét ra quyết định công nhận tổ chức Đoàn tương đương cấp huyện và đoàn cấp trên cơ sở; đồng thời có trách nhiệm báo cáo Ban Bí thư Trung ương Đoàn.

- Tổ chức bộ máy của đoàn tương đương cấp huyện, đoàn cấp trên cơ sở do đoàn cấp trên trực tiếp và cấp ủy cùng cấp quyết định.

- Nếu các tổ chức Đoàn tương đương cấp huyện, đoàn cấp trên cơ sở có sự thay đổi không còn đủ các điều kiện quy định thì ban thường vụ đoàn cấp tỉnh xem xét, quyết định lại cho phù hợp và báo cáo về Trung ương Đoàn.

6. Điều 7. Về đại hội đại biểu và hội nghị đại biểu

6.1. Điều 7 (khoản 2). Về đại biểu đại hội

a. Số lượng đại biểu

Ban chấp hành cấp triệu tập đại hội xem xét quyết định số lượng đại biểu phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị.

b. Thành phần đại biểu

- Ủy viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên (kể cả kỷ luật đảng, chính quyền, đoàn thể). Ủy viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội ở đơn vị nào là đại biểu chính thức của đoàn đại biểu đơn vị đó.

- Đại biểu do đại hội, hội nghị đại biểu cấp dưới bầu lên theo phân bổ số lượng của ban chấp hành cấp triệu tập đại hội. Ban chấp hành cấp triệu tập đại hội phân bổ số lượng đại biểu đại hội theo những căn cứ chủ yếu sau:

- + Số lượng đoàn viên.
- + Số lượng tổ chức trực thuộc cấp đó.
- + Tính đặc thù, những đặc điểm về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội...

- Đại biểu chỉ định: Chỉ chỉ định những trường hợp cần thiết và phải bảo đảm tiêu chuẩn đại biểu. Không chỉ định những người đã bầu cử ở cấp dưới không trúng cử chính thức hoặc dự khuyết làm đại biểu của đại hội. Đại biểu được chỉ định không quá 5% số lượng đại biểu đại hội. Đại biểu chỉ định là thành viên của các đoàn đại biểu nơi đại biểu đó công tác.

- Khi đại biểu chính thức (trừ ủy viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội) không đến đại hội được thì đại biểu dự khuyết thay, việc lấy đại biểu dự khuyết theo thứ tự số phiếu từ cao xuống thấp. Trường hợp đã thay thế hết số đại biểu dự khuyết thì ban chấp hành cấp triệu tập đại hội xem xét, quyết định chỉ định bổ sung theo đề nghị của ban thường vụ đoàn cấp dưới.

6.2. Điều 7 (khoản 5). Về hội nghị đại biểu

a. Số lượng đại biểu

Không nhiều hơn số lượng đại biểu của đại hội nhiệm kỳ. Việc phân bổ số lượng đại biểu của hội nghị đại biểu như căn cứ phân bổ số lượng đại biểu đại hội đoàn.

b. Thành phần đại biểu

- Ủy viên ban chấp hành cấp triệu tập hội nghị không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên mà chưa hết thời hạn áp dụng kỷ luật (kể cả kỷ luật đảng, chính quyền, đoàn thể).

- Các đại biểu do ban chấp hành cấp dưới cử lên gồm:

- + Cán bộ chủ chốt của ban chấp hành cấp dưới.
- + Một số cán bộ đoàn chuyên trách, không chuyên trách.
- + Đoàn viên tiêu biểu.

Danh sách đại biểu dự hội nghị đại biểu cấp trên do ban chấp hành cấp dưới thảo luận, thống nhất đề nghị; ban chấp hành cấp triệu tập hội nghị quyết định chuẩn y và triệu tập.

7. Điều 8: Công tác bầu cử của Đoàn

7.1. Khi chốt danh sách bầu ban chấp hành, ban thường vụ Đoàn các cấp phải có sổ dự.

7.2. Việc bỏ phiếu kín áp dụng trong các trường hợp

a. Bầu ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, bí thư thứ nhất và các bí thư ban chấp hành Trung ương Đoàn.

b. Bầu đại biểu đi dự đại hội đoàn cấp trên (kể cả đại biểu dự khuyết).

c. Bầu ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra.

7.3. Bầu cử tại hội nghị ban chấp hành, hội nghị ủy ban kiểm tra

a. Bí thư hoặc phó bí thư đoàn khóa cũ có trách nhiệm triệu tập phiên họp thứ nhất của ban chấp hành khóa mới và chủ trì để bầu chủ tọa hội nghị. Trong trường hợp cần thiết, đoàn cấp trên và cấp ủy cùng cấp thống nhất chỉ định một ủy viên ban chấp hành khóa mới làm triệu tập viên để bầu chủ tọa hội nghị.

b. Hội nghị ban chấp hành bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra. Hội nghị ủy ban kiểm tra bầu phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra.

c. Ban chấp hành có quyền quyết định số lượng ủy viên ban thường vụ, phó bí thư (các bí thư đối với Trung ương Đoàn), ủy viên ủy ban kiểm tra, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra. Số lượng ủy viên ban thường vụ không quá một phần ba (1/3) số lượng ủy viên ban chấp hành. Số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra không nhiều hơn số lượng ủy viên ban thường vụ.

7.4. Việc bầu trực tiếp bí thư tại đại hội Đoàn

a. Đại hội chi đoàn và đại hội đoàn các cấp được trực tiếp bầu bí thư khi được sự thống nhất của đoàn cấp trên trực tiếp và cấp ủy đảng cùng cấp

b. Tiến hành bầu theo một trong các cách sau đây:

- *Cách 1:* Đại hội bầu ra ban chấp hành, sau đó bầu bí thư trong số các ủy viên ban chấp hành. Người trúng cử chức danh bí thư đương nhiên là ủy viên ban thường vụ (nếu có ban thường vụ).

- *Cách 2:* Đại hội bầu bí thư, sau đó bầu số ủy viên ban chấp hành còn lại. Người trúng cử chức danh bí thư đương nhiên là ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ (nếu có ban thường vụ).

7.5. Phiếu bầu

a. Là phiếu do đại hội hoặc hội nghị phát hành, được in hoặc viết tay sẵn danh sách bầu cử do đại hội hoặc hội nghị đã thông qua theo vần chữ cái A,B,C... Nếu số lượng người trong danh sách bầu cử bằng với số lượng người được bầu thì phải sử dụng phiếu bầu có cột "đồng ý" và "không đồng ý".

Nếu trong danh sách bầu cử có nhiều người trùng cả họ và tên thì được phép chú thích chức danh hoặc tên cơ quan công tác, đơn vị học tập hoặc cư trú của những người đó tại thời điểm tiến hành bầu cử.

b. Phiếu bầu không hợp lệ là:

- Phiếu không do đại hội hoặc hội nghị phát hành.

- Phiếu bầu thừa so với số lượng đã được đại hội, hội nghị quyết định.

- Phiếu không bầu ai hoặc không rõ để ai, gạch ai.
 - Phiếu viết tên người ngoài danh sách bầu cử được đại hội, hội nghị thông qua.
 - Phiếu có ký hiệu riêng.
 - Phiếu không ghi (hoặc không đánh dấu) đồng ý hay không đồng ý, hoặc phiếu đánh dấu vào cả hai cột “Đồng ý” và “Không đồng ý” đối với phiếu bầu có cột “Đồng ý” và “Không đồng ý”.
- c. Phiếu bầu thiếu so với số lượng đã được đại hội, hội nghị quyết định vẫn là phiếu hợp lệ.

7.6. Về điều kiện trúng cử

- a. Kết quả bầu cử được tính là số phiếu bầu đồng ý hợp lệ trên tổng số phiếu phát ra tại đại hội, hội nghị.
- b. Người trúng cử là người có số phiếu đồng ý hợp lệ đạt trên một phần hai tổng số phiếu phát ra tại đại hội, hội nghị.
- c. Nhân sự không trúng cử ban chấp hành tại Đại hội cấp dưới thì không được giới thiệu vào danh sách nhân sự đề bầu vào ban chấp hành đoàn cấp trên.

7.7. Những trường hợp khác

- a. Trường hợp bầu lần thứ nhất chưa đủ số lượng đã quyết định bầu, thì việc có tiếp tục bầu nữa hay không do đại hội, hội nghị quyết định.
- b. Nếu đại hội, hội nghị tiến hành bầu lần thứ 2 mà vẫn thiếu số lượng định bầu thì không tiến hành bầu tiếp nữa. Nếu là bầu các chức danh chủ chốt của Đoàn thì báo cáo với cấp ủy và đoàn cấp trên trực tiếp quyết định. Nếu là bầu đại biểu đi dự đại hội đoàn cấp trên thì báo cáo để ban chấp hành cấp triệu tập đại hội quyết định.
- c. Bầu đại biểu dự đại hội đại biểu đoàn cấp trên phải bầu đại biểu dự khuyết. Không lấy những người không được quá nửa số phiếu bầu trong danh sách bầu đại biểu chính thức làm đại biểu dự khuyết.
- d. Việc bầu đại biểu dự Đại hội Đoàn cấp trên theo nguyên tắc: bầu đại biểu chính thức trước, bầu đại biểu dự khuyết sau. Danh sách bầu đại biểu chính thức có thể có số dư hoặc không. Trong trường hợp danh sách bầu đại biểu chính thức có số dư, sau khi kiểm phiếu, ngoài những đại biểu trúng cử đại biểu chính thức, các đại biểu còn lại trong danh sách bầu cử nếu có số phiếu đạt trên 50% tổng số phiếu bầu thì Đại hội có thể xem xét biểu quyết chọn làm đại biểu dự khuyết theo thứ tự số phiếu từ cao xuống thấp. Trường hợp đã lấy hết số đại biểu đủ điều kiện làm đại biểu dự khuyết mà vẫn thiếu số lượng so với số lượng được phân bổ thì đại hội tiến hành bầu bổ sung đại biểu dự khuyết cho đủ số lượng.

8. Điều 9. Ban chấp hành Đoàn các cấp

8.1. Điều 9 (khoản 2). Về xây dựng ban chấp hành khóa mới

- a. Xây dựng ban chấp hành bảo đảm 5 yêu cầu cơ bản sau:
- Đảm bảo tiêu chuẩn do Ban Chấp hành Trung ương Đoàn quy định.
 - Đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ.

- Đảm bảo tính thiết thực.
- Đảm bảo tính kế thừa.
- Đảm bảo độ tuổi bình quân.

b. Cơ cấu ban chấp hành: Cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm, chủ chốt các cấp; đoàn viên tiêu biểu có điều kiện và khả năng hoàn thành nhiệm vụ.

- Coi trọng cán bộ trưởng thành từ phong trào thanh niên. Đảm bảo tỷ lệ cán bộ nữ, thành phần dân tộc, cán bộ khoa học kỹ thuật, kinh tế, xã hội,...

- Trong dự kiến cơ cấu ban chấp hành cần dự kiến cả nhiệm vụ sẽ được phân công sau đại hội.

- Đồng chí bí thư, phó bí thư đoàn điều hành và ký các văn bản theo thẩm quyền ngay sau khi công bố kết quả bầu cử Đại hội. Riêng kiện toàn bổ sung tại hội nghị thì chỉ khi có quyết định chuẩn y của ban chấp hành đoàn cấp trên đồng chí bí thư, phó bí thư mới được ký các văn bản theo thẩm quyền.

8.2. Điều 9 (khoản 3, Khoản 4). Cho rút tên, xóa tên, thôi giữ chức vụ và bổ sung ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, phó bí thư, bí thư ban chấp hành Đoàn các cấp. Việc này áp dụng với cả ủy viên ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra các cấp.

a. Việc rút tên, xóa tên, thôi giữ chức vụ

- Ủy viên ban chấp hành chuyển khỏi công tác Đoàn thì đương nhiên thôi tham gia ban chấp hành Đoàn các cấp tại thời điểm quyết định chuyển công tác có hiệu lực.

- Đối với ủy viên ban chấp hành chuyển công tác trong hệ thống Đoàn:

+ Trường hợp ủy viên ban chấp hành Đoàn cấp dưới (không là ủy viên ban chấp hành Đoàn cấp trên) khi chuyển công tác lên cơ quan chuyên trách Đoàn cấp trên thì đương nhiên thôi tham gia ban chấp hành Đoàn cấp dưới.

+ Trường hợp ủy viên ban chấp hành Đoàn cấp dưới đồng thời là ủy viên ban chấp hành Đoàn cấp trên nếu chuyển công tác lên cơ quan chuyên trách Đoàn cấp trên thì đương nhiên thôi tham gia ban chấp hành Đoàn cấp dưới; việc tham gia hay không tham gia ban chấp hành đoàn cấp trên do ban chấp hành Đoàn cấp trên quyết định.

+ Trường hợp ủy viên ban chấp hành Đoàn cấp trên (không là ủy viên ban chấp hành Đoàn cấp dưới) chuyển công tác xuống Đoàn cấp dưới thì việc có giữ ban chấp hành Đoàn cấp trên không do ban chấp hành đoàn cấp trên quyết định.

+ Trường hợp ủy viên ban chấp hành chuyển sang tổ chức đoàn ngang cấp thì do ban chấp hành đoàn cấp trên quyết định.

- Đối với các chức danh bí thư, phó bí thư đoàn các cấp trước khi thôi tham gia ban chấp hành phải báo cáo cấp ủy đảng (ở nơi có cấp ủy đảng) và đoàn cấp trên trực tiếp.

- Nếu rút tên hoặc xóa tên trong ban chấp hành thì không còn là ủy viên ban thường vụ và không còn giữ chức vụ bí thư, phó bí thư (nếu có). Nếu chỉ rút tên

trong ban thường vụ thì không còn giữ chức vụ bí thư, phó bí thư (nếu có) nhưng vẫn còn là ủy viên ban chấp hành. Nếu chỉ thôi giữ chức vụ bí thư, phó bí thư thì vẫn còn là ủy viên ban thường vụ.

b. Việc bổ sung, kiện toàn

- Chỉ bổ sung ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư khi khuyết các chức danh đó. Sau khi bầu bổ sung thì gửi văn bản đề nghị, biên bản bầu cử, biên bản họp ban chấp hành và lý lịch trích ngang của người được bầu lên đoàn cấp trên xét quyết định công nhận trong thời hạn không quá 15 ngày.

- Chậm nhất sau 15 ngày, kể từ ngày Đoàn cấp dưới gửi hồ sơ đề nghị chuẩn y ban chấp hành, ban thường vụ, phó bí thư, bí thư (hồ sơ đảm bảo theo quy định), ban chấp hành Đoàn cấp trên phải có quyết định chuẩn y (hoặc văn bản không chuẩn y).

- Bổ sung ủy viên ban chấp hành từ cấp tỉnh trở xuống: số lượng bổ sung trong cả nhiệm kỳ không quá số lượng ủy viên ban chấp hành do đại hội quyết định. Việc bổ sung ủy viên ban chấp hành vượt quá phạm vi số lượng ủy viên ban chấp hành do đại hội quyết định thì phải tổ chức hội nghị đại biểu để bầu cử.

- Bổ sung ủy viên ban thường vụ: ban chấp hành bầu bổ sung ủy viên ban thường vụ trong số các ủy viên ban chấp hành.

- Kiện toàn bí thư, bổ sung phó bí thư: ban chấp hành bầu bí thư, phó bí thư trong số các ủy viên ban thường vụ hoặc ủy viên ban chấp hành (nếu không có ban thường vụ). Trước khi tiến hành bầu phải được sự thống nhất của cấp ủy cùng cấp và đoàn cấp trên trực tiếp.

- Bổ sung người chưa là ủy viên ban chấp hành vào ban thường vụ, phó bí thư, bí thư của cấp đó: ban chấp hành tiến hành bầu bổ sung người đó vào ban chấp hành sau đó bầu vào ban thường vụ, bầu bí thư, phó bí thư.

- Trong cùng một cuộc họp, người vừa được bầu bổ sung vào ban chấp hành chưa có quyền bầu cử tại cuộc họp đó.

- Trường hợp cần thiết, đoàn cấp trên trực tiếp có quyền:

+ Chỉ định người vào ban chấp hành, ban thường vụ và giữ các chức danh theo đề nghị của ban chấp hành đoàn cấp dưới (nếu cấp ủy cùng cấp thống nhất).

+ Chỉ định tăng thêm số lượng ủy viên ban chấp hành cấp dưới nhưng phải đảm bảo số lượng ủy viên ban chấp hành cấp đó không vượt quá 15% số lượng ủy viên ban chấp hành đã được đại hội quyết định.

+ Đối với cán bộ biệt phái hoặc cử đi đào tạo thực tế ở cơ sở, đoàn cấp trên trực tiếp có quyền chỉ định tham gia ban chấp hành, ban thường vụ và giữ các chức danh trong ban chấp hành đoàn nơi đến. Trong trường hợp đó, số lượng ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, phó bí thư đoàn nơi tiếp nhận cán bộ được phép cao hơn quy định tại mục 4, Điều 5, khoản 2 của Hướng dẫn này. Cơ cấu chỉ định này không được kiện toàn, bổ sung sau khi người giữ chức vụ kết thúc thời gian công tác.

+ Nếu việc chỉ định làm cho số lượng ủy viên ban thường vụ vượt quá một phần ba số lượng ủy viên ban chấp hành thì đoàn nơi tiếp nhận cán bộ được phép tăng thêm số lượng ủy viên ban chấp hành để đảm bảo tỷ lệ theo quy định của Điều lệ Đoàn nhưng số ủy viên ban chấp hành chỉ định thêm không quá 15% số lượng đã được đại hội quyết định.

+ Cán bộ kết thúc thời gian công tác ở cơ sở thì thôi tham gia ban chấp hành tại thời điểm có quyết định của cấp ra quyết định chỉ định.

8.3. Điều 9 (khoản 7). Chế độ sinh hoạt, tham gia hoạt động với cấp cơ sở của ủy viên ban chấp hành Đoàn các cấp

a. Đối với ủy viên ban chấp hành các cấp đang trong độ tuổi đoàn viên phải tham gia sinh hoạt theo đúng nhiệm vụ của người đoàn viên.

b. Đối với ủy viên ban chấp hành không trong độ tuổi đoàn viên:

- Ủy viên ban chấp hành cấp nào thực hiện nhiệm vụ và chế độ sinh hoạt, hoạt động theo quy chế hoạt động của ban chấp hành cấp đó.

- Nếu một đồng chí tham gia ủy viên ban chấp hành của nhiều cấp thì thực hiện theo chế độ ủy viên ban chấp hành cao nhất mà đồng chí đó tham gia.

c. Chế độ sinh hoạt, hoạt động với cấp cơ sở được kiểm điểm trong báo cáo kiểm điểm hàng năm của ủy viên ban chấp hành các cấp của Đoàn và là một trong các tiêu chuẩn đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của ủy viên ban chấp hành.

9. Điều 10 (Khoản 2). Tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên trách cấp huyện và cấp tỉnh và tương đương

Thực hiện theo hướng dẫn liên tịch giữa Ban Bí thư Trung ương Đoàn với Ban Tổ chức Trung ương Đảng và các quy định của Đảng.

10. Điều 16 (Khoản 3). Về quyết định kéo dài, rút ngắn nhiệm kỳ đại hội Đoàn cấp huyện và cấp cơ sở

a. Ban thường vụ Đoàn cấp tỉnh được quyết định kéo dài, rút ngắn nhiệm kỳ đại hội đoàn cấp huyện và cấp cơ sở để phù hợp với nhiệm kỳ chung nhưng không quá nửa nhiệm kỳ của cấp đó.

b. Đối với tổ chức đoàn mới thành lập: Ban thường vụ (ở nơi không có ban thường vụ thì ban chấp hành) đoàn cấp trên trực tiếp có quyền quyết định điều chỉnh thời gian nhiệm kỳ đại hội lần thứ nhất để phù hợp với thời gian nhiệm kỳ đại hội đoàn cấp trên sau khi thống nhất với cấp ủy cùng cấp (trừ những nơi không có tổ chức Đảng).

11. Điều 17.

11.1. Điều 17 (khoản 3).

a. Chi đoàn là tổ chức tế bào của Đoàn, là hạt nhân nòng cốt đoàn kết, tập hợp thanh thiếu nhi.

- Chi đoàn sinh hoạt định kỳ 01 tháng 01 lần.

- Chi đoàn trên địa bàn dân cư ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, ở các đơn vị mà đoàn viên phân tán trên địa bàn rộng hoặc thường xuyên đi công tác khỏi địa bàn, cơ quan được đoàn cấp trên xác nhận thì 03 tháng sinh hoạt ít nhất 01 lần.

b. Các loại hình chi đoàn có tính chất đặc thù

- Chi đoàn được thành lập trong các đội hình thanh niên xung phong, thanh niên tình nguyện, thanh niên xung kích, các đội hình lao động trẻ, các đơn vị, tổ, đội, nhóm công tác, hợp tác xã v.v... có thời gian từ 6 tháng trở lên có thể trực thuộc đoàn cấp trên trực tiếp nơi lập ra chi đoàn đó hoặc trực thuộc đoàn cơ sở nơi các chi đoàn đó hoạt động.

- Trong các khu tập thể, khu nhà trọ của công nhân, khu công nghiệp, khu chế xuất, các nhà máy, xí nghiệp v.v... chưa có tổ chức Đoàn thì đoàn xã, phường, thị trấn nơi đó tiến hành thành lập các chi đoàn trực thuộc. Các chi đoàn này sẽ là hạt nhân để tiến tới thành lập tổ chức Đoàn trong các doanh nghiệp.

- Việc thành lập chi đoàn ở những nơi đào tạo theo tín chỉ do ban chấp hành đoàn trường căn cứ điều kiện cụ thể quyết định cho phù hợp trên cơ sở Hướng dẫn của Ban Bí thư Trung ương Đoàn.

- Đối với những đơn vị có liên kết đào tạo, đoàn viên sinh hoạt và chịu sự quản lý của chi đoàn, đoàn trường nơi đoàn viên học tập.

c. Chi đoàn tạm thời

- Trong các đội hình thanh niên xung phong, thanh niên tình nguyện, thanh niên xung kích, các đội hình lao động trẻ, các đơn vị, tổ, đội, nhóm công tác v.v... có thời gian từ 01 tháng đến dưới 06 tháng và có từ 03 đoàn viên trở lên chuyển đến sinh hoạt và lao động, công tác ở cùng một địa bàn thì đoàn cấp trên trực tiếp nơi lập ra các đội hình trên có thể ra quyết định thành lập chi đoàn sinh hoạt tạm thời, chỉ định ban chấp hành lâm thời, bí thư của chi đoàn đó và bàn giao cho nơi nhận.

- Chi đoàn tạm thời có nhiệm vụ tổ chức hoạt động thực hiện nghị quyết của đoàn cấp trên nơi đang sinh hoạt, lao động, công tác, quản lý đoàn viên, thu nộp đoàn phí và giữ mối liên hệ với cấp bộ đoàn nơi thành lập.

- Đoàn viên trong chi đoàn tạm thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn như đoàn viên chuyển sinh hoạt tạm thời.

d. Ban thường vụ đoàn cấp tỉnh và cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn về tổ chức, hoạt động và sinh hoạt chi đoàn; tổ chức nghiên cứu, xây dựng mô hình để phát triển các loại hình chi đoàn có tính chất đặc thù; hướng dẫn hoạt động cho chi đoàn tạm thời phù hợp điều kiện, đặc điểm của địa phương và đảm bảo đúng nguyên tắc của Điều lệ Đoàn.

đ. Phân đoàn

- Phân đoàn là đơn vị thành lập trên cơ sở các đoàn viên sinh hoạt trong cùng một chi đoàn có điều kiện công tác, lao động và học tập tương đối đặc thù, hoặc có khoảng cách về địa lý, khó khăn trong việc tham gia sinh hoạt, hoạt động chung của chi đoàn mà không có điều kiện tách ra thành một chi đoàn độc lập.

- Nhiệm vụ của phân đoàn: là đơn vị đoàn kết, tập hợp đoàn viên thanh niên, tổ chức cho đoàn viên tham gia sinh hoạt và các hoạt động của Đoàn theo nghị quyết của chi đoàn; đánh giá, xếp loại đoàn viên hàng năm và báo cáo kết quả với ban chấp hành chi đoàn để tiến hành quy trình nhận xét, đánh giá đoàn viên của chi đoàn; được đề nghị ban chấp hành chi đoàn xem xét giới thiệu thanh niên để đoàn cơ sở xét kết nạp vào Đoàn; được thực hiện các nhiệm vụ do ban chấp hành chi đoàn trực tiếp ủy quyền.

- Quy trình, thủ tục thành lập phân đoàn: căn cứ vào điều kiện học tập, lao động, công tác, ban chấp hành chi đoàn thảo luận, thống nhất thành lập phân đoàn và phân công đoàn viên làm phân đoàn trưởng.

- Chế độ sinh hoạt, hoạt động của phân đoàn do ban chấp hành chi đoàn quy định nhưng phải đảm bảo các quy định của Điều lệ Đoàn.

11.2. Điều 17 (khoản 4, 5).

a. Đoàn cơ sở là cấp trên trực tiếp của chi đoàn. Đơn vị có từ 02 chi đoàn trở lên và có ít nhất 30 đoàn viên thì thành lập đoàn cơ sở.

- Đối với xã, phường, thị trấn có từ 02 chi đoàn trở lên nhưng không đủ 30 đoàn viên vẫn thành lập đoàn cơ sở.

- Ở những đơn vị đặc thù, đoàn cơ sở có thể đề nghị thành lập đoàn bộ phận (đối với những đơn vị có cấp ủy tương ứng về cấp) và đề nghị đoàn cấp trên trực tiếp công nhận. Đoàn bộ phận có nhiệm vụ tổ chức thực hiện nghị quyết của đoàn cơ sở. Nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, con dấu và nhiệm kỳ của đoàn bộ phận áp dụng như đoàn cơ sở.

b. Những chi đoàn có tính chất đặc thù về nhiệm vụ chính trị, về địa giới hành chính hoặc đối tượng, được sự thống nhất của cấp ủy đảng cùng cấp (nếu có) thì thành lập chi đoàn cơ sở và do ban thường vụ đoàn cấp huyện, cấp tỉnh hoặc tương đương quyết định.

Chi đoàn cơ sở được sử dụng con dấu theo quy định và có nhiệm vụ, quyền hạn như đoàn cơ sở.

11.3. Điều 17 (khoản 6).

a. Trong một địa bàn, lĩnh vực hoạt động có nhiều chi đoàn, có nhu cầu liên kết phối hợp thì có thể hình thành liên chi đoàn. Liên chi đoàn có thể trực thuộc trực tiếp đoàn cấp huyện, đoàn cơ sở hoặc đoàn bộ phận tùy vào thực tiễn hoạt động của từng đơn vị.

b. Nhiệm vụ, quyền hạn của liên chi đoàn:

- Hướng dẫn kiểm tra các chi đoàn trong việc thực hiện các nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác của ban chấp hành đoàn cấp trên.

- Xét và đề xuất với ban chấp hành đoàn cấp trên trực tiếp những đề nghị của chi đoàn về công tác tổ chức, khen thưởng, kỷ luật đoàn viên và cán bộ đoàn.

c. Nhiệm kỳ của liên chi đoàn là 5 năm 2 lần.

- Ban chấp hành liên chi đoàn có số lượng từ 03 đến 11 ủy viên và không nhiều hơn số lượng ủy viên ban chấp hành đoàn cấp trên trực tiếp. Trường hợp liên chi đoàn có từ 09 ủy viên ban chấp hành trở lên có thể bầu ban thường vụ gồm: bí thư, 01 phó bí thư và 01 ủy viên ban thường vụ.

11.4. Điều 17 (khoản 7).

a. Trường hợp đơn vị chủ quản cấp trên của doanh nghiệp không có tổ chức Đoàn thì chi đoàn, đoàn cơ sở sẽ trực thuộc huyện đoàn, tỉnh đoàn. Nếu đơn vị chủ quản cấp trên có tổ chức Đoàn khối, đoàn ngành thì chi đoàn, đoàn cơ sở sẽ trực thuộc đoàn khối, đoàn ngành.

b. Trường hợp có từ 03 đoàn viên trở lên đang làm việc trong cùng doanh nghiệp ngoài nhà nước nơi chưa có tổ chức Đoàn, song các đoàn viên này hiện đang cư trú trên cùng một địa bàn thì đoàn cơ sở nơi cư trú hoặc đoàn cấp huyện có thể ra quyết định thành lập chi đoàn. Những đoàn viên này có trách nhiệm làm nòng cốt để tiến tới thành lập tổ chức cơ sở đoàn trong doanh nghiệp ngoài nhà nước nơi đang làm việc.

c. Ban thường vụ đoàn cấp tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu và hướng dẫn thành lập tổ chức Đoàn trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước trên địa bàn đảm bảo đúng Điều lệ Đoàn.

Đoàn cấp trên trích tỷ lệ đoàn phí cho các liên chi đoàn hoạt động trong tỷ lệ đoàn phí được trích của cấp mình.

12. Điều 20 (khoản 2).

Đại hội chi đoàn cơ sở; chi đoàn trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp; lực lượng vũ trang; Đoàn trường trung cấp là 5 năm 2 lần (trừ chi đoàn trong các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung cấp, cao đẳng, đại học, học viện).

13. Điều 21 (khoản 2). Hội nghị của ban chấp hành chi đoàn và đoàn cơ sở ở những nơi đặc thù.

Ban chấp hành chi đoàn, đoàn cơ sở ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoặc ở các đơn vị sản xuất kinh doanh mà đoàn viên phân tán (được đoàn cấp trên trực tiếp xét chứng nhận) nếu không thể tiến hành họp một tháng một lần thì 03 tháng họp ít nhất một lần.

14. Điều 22.

14.1. Điều 22 (khoản 1).

a. Đoàn khối là một cấp bộ đoàn hoàn chỉnh được thành lập từ cấp huyện trở lên tương ứng với cơ cấu tổ chức của Đảng, do đoàn cấp trên quyết định thành lập.

b. Điều kiện thành lập đoàn khối trực thuộc cấp tỉnh trở lên:

- Có từ 500 đoàn viên trở lên.

- Có cán bộ đoàn chuyên trách.

- Có văn phòng làm việc và được cấp nguồn kinh phí hoạt động ổn định.

c. Đoàn ngành là hệ thống tổ chức Đoàn trong cùng một ngành, là một cấp bộ đoàn hoàn chỉnh được thành lập ở cấp tỉnh và trung ương. Nhiệm vụ, quyền hạn của đoàn ngành được quy định trong quyết định thành lập của đoàn cấp trên trực tiếp.

d. Điều kiện thành lập đoàn ngành

- Có tổ chức Đảng, chính quyền thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo theo hệ thống ngành dọc từ trên đến cơ sở.

- Có từ 1000 đoàn viên trở lên.

- Có cán bộ đoàn chuyên trách.

- Có văn phòng làm việc và được cấp nguồn kinh phí hoạt động ổn định.

14.2. Điều 22 (khoản 2).

a. Nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế cơ quan chuyên trách của đoàn khối trực thuộc đoàn cấp tỉnh và cấp huyện do ban thường vụ đoàn cấp trên trực tiếp và cấp ủy đảng cùng cấp quyết định.

b. Nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế cơ quan chuyên trách của đoàn ngành do ban thường vụ đoàn cấp trên trực tiếp và cấp ủy đảng cùng cấp quyết định.

14.3. Điều 22 (khoản 3). Ban cán sự Đoàn

a. Các tổ chức Đoàn trong cùng một ngành hoặc khác ngành hoạt động trên cùng một địa bàn, một lĩnh vực có nhu cầu phối hợp hoạt động và được sự thống nhất lãnh đạo của cấp ủy đảng (nếu có) ở các đơn vị đó thì có thể thành lập ban cán sự Đoàn.

- Ban cán sự đoàn là một cấp bộ đoàn không hoàn chỉnh do đoàn cấp trên trực tiếp ra quyết định thành lập. Nếu ở tỉnh, thành phố thì trực thuộc tỉnh, thành đoàn, ở nước ngoài thì trực thuộc Trung ương Đoàn.

- Ban cán sự đoàn gồm các chức danh bí thư, phó bí thư và các ủy viên ban cán sự. Ban cán sự đoàn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

- Nhiệm kỳ của ban cán sự đoàn là 5 năm.

b. Nhiệm vụ quyền hạn của ban cán sự Đoàn

- Nhiệm vụ:

+ Tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi trong đơn vị; hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch, chương trình công tác của đoàn cấp trên và cấp ủy đảng cùng cấp về công tác thanh thiếu nhi.

+ Đại diện, bảo vệ lợi ích hợp pháp chính đáng của cán bộ, đoàn viên, thanh niên.

+ Xây dựng và phát triển tổ chức Đoàn, Hội, Đội. Thực hiện công tác quản lý đoàn viên và tổ chức cơ sở đoàn trong phạm vi phụ trách.

- Quyền hạn:

+ Được sử dụng con dấu theo quy định.

+ Được trích tỷ lệ đoàn phí để phục vụ các hoạt động của Đoàn và một số quyền hạn như một cấp bộ đoàn do cấp bộ đoàn thành lập quy định.

+ Được ra quyết định khen thưởng, được cấp giấy khen và đề nghị đoàn cấp trên trực tiếp các hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, đoàn viên và tổ chức Đoàn cấp dưới theo Điều lệ Đoàn.

14.4. Đoàn trong các trường đại học, cao đẳng

a. Đoàn các trường đại học, cao đẳng không phải là thành viên đại học quốc gia, đại học khu vực.

- Là cấp bộ đoàn tương đương cấp huyện, có nhiệm vụ, quyền hạn và con dấu như Đoàn cấp huyện, do ban thường vụ đoàn cấp tỉnh quyết định thành lập.

- Nhiệm kỳ đại hội: 5 năm 2 lần.

b. Đoàn đại học quốc gia, đại học khu vực.

- Là cấp bộ đoàn tương đương cấp huyện do ban thường vụ tỉnh, thành đoàn ra quyết định thành lập; có nhiệm vụ, quyền hạn, con dấu như đoàn cấp huyện và có một số nhiệm vụ, quyền hạn do cấp bộ đoàn thành lập quy định.

- Nhiệm kỳ đại hội 5 năm 1 lần.

c. Ban cán sự đoàn đại học quốc gia, đại học khu vực.

- Do ban thường vụ tỉnh, thành đoàn quyết định thành lập, có nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại mục 14.3, Điều 22, Khoản 3, điểm a của Hướng dẫn này và có một số nhiệm vụ, quyền hạn khác do cấp bộ đoàn thành lập quy định.

- Nhiệm kỳ là 5 năm 1 lần.

d. Đoàn các trường là thành viên đại học quốc gia, đại học khu vực.

- Là tổ chức Đoàn cấp trên cơ sở trực thuộc đoàn tương đương cấp huyện, có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại mục 14.4, Điều 22, Khoản 3, điểm a của Hướng dẫn này. Ngoài ra, có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ với ban cán sự đoàn đại học quốc gia, đại học khu vực do cấp bộ đoàn thành lập quy định.

- Nhiệm kỳ đại hội 5 năm 2 lần.

đ. Liên chi đoàn.

- Liên chi đoàn có thể được thành lập theo các khoa chuyên ngành, ngành học, khóa học... khi có ít nhất từ 03 chi đoàn trở lên do ban thường vụ đoàn trường quyết định, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của ban thường vụ đoàn trường và sự lãnh đạo của cấp ủy đảng (nếu có).

- Chức năng nhiệm vụ quyền hạn của liên chi đoàn: Ngoài chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại mục 11.3, Điều 17, Khoản 6, điểm b của Hướng dẫn này, liên chi đoàn có nhiệm vụ, quyền hạn:

+ Đề xuất và phối hợp với chủ nhiệm khoa (hoặc thủ trưởng đơn vị quản lý theo khóa học), các tổ bộ môn và các đoàn thể làm tốt công tác thanh niên, sinh viên.

+ Đại diện cho sinh viên tham gia các hội đồng, các cuộc họp của khoa, khóa liên quan đến vấn đề sinh viên, được phát biểu ý kiến về các vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của sinh viên.

e. Hoạt động đoàn trong các trường đào tạo theo học chế tín chỉ thực hiện theo hướng dẫn của Ban Bí thư Trung ương Đoàn.

15. Điều 24. Đoàn ở nước ngoài

Thực hiện theo hướng dẫn liên tịch giữa Ban Bí thư Trung ương Đoàn với cơ quan phụ trách công tác Đảng ở ngoài nước.

16. Điều 25.

16.1. Điều 25 (khoản 1).

a. Tổ chức Đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam là một bộ phận của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Tổ chức và hoạt động của Đoàn trong quân đội thực hiện theo Điều lệ Đoàn, nghị quyết của Đại hội Đoàn toàn quốc, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn, nghị quyết của Quân ủy Trung ương, quy định của Bộ Quốc phòng, chỉ thị của Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam và sự hướng dẫn của Ban công tác Thanh niên Quân đội. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong quân đội chỉ tổ chức ở đơn vị cơ sở: cấp trung đoàn, lữ đoàn và tương đương trở xuống đến các đại đội, trung đội và tương đương.

b. Công tác thanh niên trong quân đội do Quân ủy Trung ương lãnh đạo; sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Tổng cục Chính trị và hướng dẫn của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; ở mỗi cấp đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, chỉ đạo, quản lý điều hành của chính ủy, chính trị viên, người chỉ huy và cơ quan chính trị cùng cấp; sự chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan chính trị cấp trên và của cơ quan chính trị cùng cấp.

c. Để giúp cấp ủy đảng, chính ủy, chính trị viên cơ quan chính trị lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ công tác thanh niên, từ cấp trung đoàn (lữ đoàn) và tương đương trở lên đến toàn quân có trợ lý thanh niên và Ban Công tác thanh niên do chủ nhiệm chính trị cùng cấp trực tiếp chỉ đạo.

Ban công tác thanh niên (trợ lý thanh niên) có hai chức năng chủ yếu: Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất chủ trương, biện pháp và kế hoạch công tác thanh niên; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động công tác đoàn và phong trào thanh niên các đơn vị trực thuộc.

16.2. Điều 25 (khoản 2).

a. Về tổ chức

- Tổ chức Đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam chỉ tổ chức ở đơn vị cơ sở: được thành lập ở trung đoàn, lữ đoàn và tương đương; ở tiểu đoàn, đại đội độc lập và tương đương; ở các hệ, tiểu đoàn quản lý học viên, đại đội hoặc các phòng, khoa, ban và đơn vị tương đương ở các học viện, nhà trường; các phòng,

cục ở các cơ quan; các kho, trạm độc lập; các bệnh viện, xí nghiệp, nhà máy quốc phòng, các công ty sản xuất kinh doanh trong quân đội.

- Tổ chức Đoàn thuộc bộ chỉ huy quân sự, bộ chỉ huy biên phòng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc, cơ chế tổ chức Đoàn trong quân đội; chịu sự phối hợp quản lý, hướng dẫn của tổ chức Đoàn trong quân đội và tổ chức Đoàn địa phương về đoàn số, đoàn phí; phát huy vai trò của cán bộ, đoàn viên thanh niên xung kích, sáng tạo góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng quân sự ở địa phương, có quyền bầu cử, ứng cử vào các cấp bộ đoàn địa phương.

- Căn cứ vào cơ cấu, tổ chức, nhiệm vụ đơn vị, số lượng đoàn viên để thành lập đoàn cơ sở 3 cấp, 2 cấp, 1 cấp:

+ Đoàn cơ sở 3 cấp được thành lập ở trung đoàn, lữ đoàn và tương đương, có liên chi đoàn ở tiểu đoàn, chi đoàn ở đại đội và tương đương

+ Đoàn cơ sở 2 cấp được thành lập ở tiểu đoàn độc lập và tương đương có chi đoàn ở đại đội và tương đương

+ Đoàn cơ sở 1 cấp được thành lập ở đại đội độc lập và tương đương

- Phân đoàn được tổ chức ở trung đội, phân đội hoặc tiểu đội, khẩu đội và tương đương

b. Việc thành lập và giải thể tổ chức cơ sở đoàn do đảng ủy cơ sở hoặc cơ quan chính trị cấp trên trực tiếp quyết định; ban chấp hành đoàn cấp trên quyết định thành lập và giải thể tổ chức Đoàn cấp dưới trực thuộc.

c. Về ban chấp hành đoàn các cấp

- Việc bầu ban chấp hành đoàn các cấp tiến hành theo Điều lệ Đoàn và hướng dẫn của Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Trong điều kiện không tổ chức đại hội được thì cấp ủy đảng cơ sở hoặc cơ quan chính trị cấp trên trực tiếp chỉ định ban chấp hành đoàn cơ sở, ban chấp hành đoàn cấp trên chỉ định ban chấp hành đoàn cấp dưới. Trường hợp cần bổ sung thì tiến hành bầu bổ sung hoặc chỉ định ban chấp hành như quy định trên.

- Ban chấp hành đoàn cơ sở có 09 đến 15 ủy viên. Ban thường vụ có 03 đến 05 Ủy viên, nhiệm kỳ 5 năm 1 lần.

- Ban chấp hành đoàn ở tiểu đoàn và tương đương, liên chi đoàn có 5 đến 8 ủy viên, nhiệm kỳ 5 năm 2 lần.

- Ban chấp hành chi đoàn nhiệm kỳ là 1 năm.

Đại hội đoàn cấp trên cơ sở do cơ quan chính trị triệu tập và tổ chức theo quy định của Điều lệ Đoàn, hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn và Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

d. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức cơ sở đoàn.

Tổ chức cơ sở đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam thực hiện nghiêm túc, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; tập trung vào các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ bản là:

- Chức năng:
 - + Giáo dục, rèn luyện đoàn viên thanh niên
 - + Tổ chức các phong trào hành động cách mạng của thanh niên, xung kích thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị
 - + Đại diện quyền lợi hợp pháp và chính đáng của đoàn viên thanh niên
- Nhiệm vụ:
 - + Đoàn kết, tập hợp thanh niên; tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của quân đội, cơ quan, đơn vị; truyền thông của dân tộc, của Đảng, quân đội và của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, làm cho đoàn viên thanh niên nhận rõ vai trò, trách nhiệm trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
 - + Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của đoàn viên thanh niên và sự phối hợp chặt chẽ của các tổ chức quần chúng trong tổ chức hoạt động của Đoàn và phong trào thanh niên nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của đơn vị. Động viên đoàn viên thanh niên tự giác, tích cực học tập chính trị, quân sự, văn hóa, khoa học kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ, không ngừng nâng cao kiến thức toàn diện, có ý thức tổ chức kỷ luật, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
 - + Xây dựng tổ chức Đoàn và củng cố, kiện toàn ban chấp hành đoàn vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức; giáo dục, tuyên truyền, vận động nhằm phát triển đoàn viên; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và giải quyết những nguyện vọng, quyền lợi chính đáng hợp pháp của thanh niên.
 - + Tích cực tham gia xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, đơn vị vững mạnh toàn diện. Trực tiếp tuyên truyền, bồi dưỡng, lựa chọn đoàn viên ưu tú để giới thiệu kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam và tạo nguồn cán bộ.
 - + Liên hệ mật thiết với tổ chức Đoàn địa phương nơi đóng quân, tổ chức các hoạt động phối hợp giữa thanh niên trong và ngoài quân đội góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của đơn vị và địa phương, tham gia xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh ở địa phương nơi đóng quân và chăm sóc, giáo dục bảo vệ thiếu niên và nhi đồng.
- Quyền hạn:
 - + Được quyền ra quyết định thành lập, giải thể tổ chức Đoàn cấp trực thuộc.
 - + Chuẩn y kết quả bầu cử ban chấp hành, bí thư, phó bí thư, chỉ định bổ sung ban chấp hành đoàn cấp trực thuộc.
 - + Kết nạp đoàn viên mới; quản lý đoàn viên, giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng bồi dưỡng, kết nạp; khen thưởng, kỷ luật đối với đoàn viên, tổ chức Đoàn; quản lý, sử dụng tài chính của đoàn theo Điều lệ Đoàn và quy định của Tổng cục Chính trị.
- Quyền hạn của ban chấp hành đoàn:

+ Ban chấp hành đoàn cơ sở ở trung đoàn và tương đương có quyền:

Chuẩn y kết nạp đoàn viên.

Công nhận ban chấp hành liên chi đoàn trực thuộc.

Quyết định biểu dương, cấp giấy khen của Đoàn, đề nghị cấp trên khen thưởng cán bộ, đoàn viên và tổ chức Đoàn.

Yêu cầu chi đoàn xét và quyết định xóa tên trong danh sách đoàn viên đối với những đoàn viên không tham gia sinh hoạt đoàn hoặc không đóng đoàn phí 3 tháng trong 1 năm mà không có lý do chính đáng.

Quyết định thi hành kỷ luật đến hình thức khai trừ đối với đoàn viên và cách chức ủy viên ban chấp hành liên chi đoàn; khiển trách, cảnh cáo đối với ủy viên ban chấp hành đoàn cơ sở. Các hình thức kỷ luật cao hơn do ban chấp hành đoàn cơ sở xét và đề nghị, cấp ủy đảng cơ sở chuẩn y.

+ Ban chấp hành liên chi đoàn ở tiểu đoàn và đơn vị tương đương có quyền:

Hướng dẫn, kiểm tra các chi đoàn làm công tác phát triển đoàn viên; xét duyệt và đề nghị lên đoàn cấp trên chuẩn y đề nghị của chi đoàn và kết nạp đoàn viên, giới thiệu đoàn viên ưu tú với chi bộ.

Công nhận ban chấp hành chi đoàn, chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành chi đoàn.

Biểu dương và đề nghị cấp trên khen thưởng cán bộ, đoàn viên, tổ chức Đoàn.

Quyết định thi hành kỷ luật với hình thức khiển trách, cảnh cáo đoàn viên và khiển trách đối với ủy viên ban chấp hành chi đoàn.

+ Ban chấp hành chi đoàn có quyền:

Xét và đề nghị kết nạp đoàn viên.

Đề nghị chi đoàn xem xét quyết định xóa tên trong danh sách đoàn viên đối với đoàn viên không tham gia sinh hoạt đoàn hoặc không đóng đoàn phí 3 tháng trong 1 năm mà không có lý do chính đáng.

Quyết định thi hành kỷ luật khiển trách đối với đoàn viên.

Xét và đề nghị cấp trên thi hành kỷ luật đối với cán bộ, đoàn viên từ cảnh cáo trở lên.

Nhận xét đoàn viên có đủ tiêu chuẩn vào Đảng, giới thiệu với chi bộ và đề nghị ban chấp hành đoàn cấp trên ra nghị quyết giới thiệu đoàn viên ưu tú vào Đảng, nếu là chi đoàn cơ sở thì được quyền giới thiệu đoàn viên vào Đảng thay cho một đảng viên chính thức.

+ Ban chấp hành đoàn cơ sở ở tiểu đoàn và tương đương được quyền như ban chấp hành đoàn cơ sở ở trung đoàn, nhưng không có quyền ký tặng giấy khen cho cán bộ, đoàn viên.

+ Ban chấp hành đoàn cơ sở cấp 1 có quyền hạn như chi đoàn thuộc đoàn cơ sở cấp 2, 3. Các quyền hạn cao hơn do cấp ủy đảng cơ sở quyết định.

16.3. Điều 25 (khoản 3).

a. Tổ chức Đoàn trong quân đội liên hệ chặt chẽ và phối hợp hoạt động với tổ chức Đoàn địa phương nơi đóng quân theo các nội dung.

- Giáo dục và chuẩn bị tốt về mọi mặt cho thanh niên làm nghĩa vụ quân sự, nâng cao ý thức trách nhiệm của thanh niên đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, thực hiện nhiệm vụ quốc phòng an ninh, tham gia chính sách hậu phương quân đội; giáo dục truyền thống cách mạng và tuyên truyền vận động đoàn viên thanh niên địa phương thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật; phát huy trách nhiệm của các đoàn thể, gia đình, nhà trường góp phần giáo dục, động viên thanh niên làm tốt nghĩa vụ quân sự trong thời gian tại ngũ.

- Giúp đỡ nhân dân và thanh niên địa phương đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, xây dựng địa phương vững mạnh về mọi mặt.

- Phối hợp và tham gia các phong trào của Đoàn ở địa phương, động viên, cổ vũ, giúp đỡ và học tập lẫn nhau để xây dựng, củng cố tổ chức Đoàn; góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn, xã hội, bài trừ các tệ nạn xã hội, những hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, đấu tranh với các phần tử xấu, phản động.

b. Tổ chức Đoàn trong quân đội được giới thiệu người tham gia ban chấp hành đoàn ở địa phương.

- Các đơn vị bộ đội địa phương; bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; ban chỉ huy quân sự quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được giới thiệu cán bộ đảm nhiệm công tác thanh niên tham gia ban chấp hành đoàn ở địa phương.

- Việc giới thiệu cán bộ tham gia ban chấp hành đoàn địa phương phải được cấp ủy đảng, cơ quan chính trị đơn vị đồng ý.

- Việc duyệt và chỉ đạo đại hội Đoàn trong Quân đội do cấp ủy Đảng và cơ quan chính trị trong Quân đội thực hiện.

17. Điều 26.

17.1. Điều 26 (khoản 1).

a. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong Công an nhân dân là bộ phận của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Công an Trung ương và Ban Chấp hành Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, sự chỉ đạo thường xuyên của cơ quan tham mưu giúp Đảng ủy Công an Trung ương đảm nhiệm công tác Đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong Đảng bộ Công an Trung ương.

b. Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong Công an nhân dân cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy đảng công an cấp đó, sự chỉ đạo của ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cấp trên trực tiếp; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh công an cấp trên khi thực hiện những nội dung hoạt động liên quan tới nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự và xây dựng lực lượng Công an nhân dân, nhằm đảm bảo sự thống nhất và phù hợp với

đặc điểm, tính chất, nhiệm vụ công tác đoàn và phong trào thanh niên trong Công an nhân dân.

17.2. Điều 26 (khoản 2). Hệ thống tổ chức

a. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ Công an

- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ Công an là tổ chức Đoàn cấp tỉnh, trực thuộc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; gồm tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các tổng cục, bộ tư lệnh; các cục, vụ, viện và đơn vị trực thuộc Bộ Công an.

- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các tổng cục, bộ tư lệnh là tổ chức Đoàn cấp huyện, trực thuộc Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ Công an; gồm các tổ chức Đoàn các đơn vị trực thuộc tổng cục, bộ tư lệnh.

- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các cục, vụ, viện và đơn vị trực thuộc Bộ Công an là tổ chức cơ sở đoàn, trực thuộc Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ Công an. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các cục, vụ, viện và đơn vị trực thuộc các tổng cục, bộ tư lệnh bao gồm các học viện, trường Công an nhân dân, trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, bệnh viện, công ty; các trung đoàn, tiểu đoàn độc lập; các phòng, ban, đơn vị là tổ chức cơ sở đoàn, trực thuộc Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các tổng cục, bộ tư lệnh.

Căn cứ vị trí, chức năng, nhiệm vụ và số lượng đoàn viên của các tổ chức Đoàn trực thuộc, Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ Công an quyết định phân cấp các tổ chức Đoàn phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo nguyên tắc Điều lệ Đoàn.

b. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là Đoàn Thanh niên công an tỉnh)

- Đoàn Thanh niên công an tỉnh là tổ chức Đoàn cấp huyện, trực thuộc Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; gồm tổ chức Đoàn các phòng, ban, đơn vị trực thuộc công an tỉnh.

- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc công an tỉnh lập tổ chức cơ sở đoàn.

c. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh công an huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi chung là Đoàn Thanh niên công an huyện)

Đoàn Thanh niên công an huyện là tổ chức cơ sở đoàn, trực thuộc Đoàn TNCS Hồ Chí Minh huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

d. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh công an phường, thị trấn; công an xã - nơi bố trí công an chính qui (gọi chung là Đoàn Thanh niên công an phường).

Đoàn Thanh niên công an phường là chi đoàn, trực thuộc Đoàn Thanh niên xã, phường, thị trấn.

17.3. Điều 26 (khoản 2). Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các cấp trong Công an nhân dân

a. Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ Công an

- Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ Công an do Đại hội Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ Công an bầu ra, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Công

an Trung ương và Ban Chấp hành Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; mà trực tiếp, thường xuyên chỉ đạo là cơ quan tham mưu giúp Đảng ủy Công an Trung ương đảm nhiệm công tác Đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong Đảng bộ Công an Trung ương.

- Chức năng:

+ Tham mưu cho Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Chấp hành Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và cơ quan tham mưu giúp Đảng ủy Công an Trung ương đảm nhiệm công tác Đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong Đảng bộ Công an Trung ương về chủ trương, nội dung lãnh đạo, chỉ đạo công tác đoàn và phong trào thanh niên các đơn vị thuộc Bộ Công an.

+ Tổ chức thực hiện và chỉ đạo các tổ chức Đoàn trực thuộc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ Công an, các chủ trương, nghị quyết, chương trình công tác của Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Chấp hành Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và sự chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan tham mưu giúp Đảng ủy Công an Trung ương đảm nhiệm công tác Đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong Đảng bộ Công an Trung ương.

+ Chỉ đạo, hướng dẫn Đoàn TNCS Hồ Chí Minh công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự và xây dựng lực lượng Công an nhân dân theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Công an Trung ương cơ quan tham mưu giúp Đảng ủy Công an Trung ương đảm nhiệm công tác Đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong Đảng bộ Công an Trung ương.

- Nhiệm vụ:

+ Quán triệt các quan điểm, đường lối của Đảng về công tác thanh niên; các chỉ thị, nghị quyết, chương trình công tác của Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Chấp hành Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và cơ quan tham mưu giúp Đảng ủy Công an Trung ương đảm nhiệm công tác Đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong Đảng bộ Công an Trung ương; xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch, giải pháp công tác đoàn, phong trào thanh niên Bộ Công an và trong Công an nhân dân.

+ Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch, chương trình, dự án của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ Công an trong các đơn vị trực thuộc Bộ; phối hợp với ban chấp hành các tỉnh, thành đoàn chỉ đạo, hướng dẫn Đoàn Thanh niên công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện công tác đoàn và phong trào thanh niên, phù hợp với tính chất, đặc điểm, nhiệm vụ của lực lượng Công an nhân dân.

+ Tổ chức các phong trào hành động cách mạng tạo môi trường, điều kiện tập hợp, giáo dục, rèn luyện đoàn viên, thanh niên Công an nhân dân thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao; đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cán bộ đoàn viên, thanh niên trong Công an nhân dân.

+ Định kỳ báo cáo, kiến nghị với Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Chấp hành Trung ương Đoàn và cơ quan tham mưu giúp Đảng ủy Công an Trung

ương đảm nhiệm công tác Đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong Đảng bộ Công an Trung ương về tình hình, kết quả công tác đoàn, phong trào thanh niên Bộ Công an và thanh niên lực lượng Công an nhân dân về cơ chế, điều kiện tiến hành công tác thanh niên và chính sách đối với cán bộ đoàn trong lực lượng Công an nhân dân.

+ Hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác thanh niên cho cán bộ đoàn trong Công an nhân dân; xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch, dự án để nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động của Đoàn Thanh niên trong Công an nhân dân.

+ Xây dựng, phát triển tổ chức Đoàn và thực hiện công tác quản lý đoàn viên và tổ chức Đoàn trong phạm vi phụ trách.

- Quyền hạn:

+ Có quyền hạn như ban chấp hành đoàn cấp tỉnh được quy định trong Điều lệ Đoàn và Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn; được cử đại diện tham gia các hội đồng, thiết chế có liên quan đến công tác thanh niên lực lượng Công an nhân dân theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

+ Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ Công an được sử dụng con dấu theo quy định.

- Số lượng ủy viên ban chấp hành

Số lượng ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư Đoàn Thanh niên Bộ Công an thực hiện theo quy định đối với đoàn cấp tỉnh tại mục 4.4, Điều 5, Khoản 2 của Hướng dẫn này.

b. Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các tổng cục, bộ tư lệnh

- Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các tổng cục, bộ tư lệnh do Đại hội Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các tổng cục, bộ tư lệnh bầu ra; đặt dưới sự lãnh đạo của đảng ủy tổng cục, bộ tư lệnh và của Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ Công an, sự chỉ đạo của cơ quan xây dựng lực lượng cùng cấp.

- Chức năng:

+ Tham mưu cho đảng ủy tổng cục, bộ tư lệnh và Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ Công an, cơ quan xây dựng lực lượng cùng cấp về chủ trương, nội dung, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo công tác đoàn và phong trào thanh niên tổng cục, bộ tư lệnh.

+ Hướng dẫn, tổ chức thực hiện và chỉ đạo tổ chức cơ sở đoàn trực thuộc thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chương trình công tác của đảng ủy tổng cục, bộ tư lệnh, Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ Công an và Nghị quyết Đại hội Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tổng cục, bộ tư lệnh.

- Nhiệm vụ:

+ Quán triệt các chỉ thị, nghị quyết, chương trình công tác của đảng ủy tổng cục, bộ tư lệnh và Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ Công an; xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch, giải pháp công tác đoàn và phong trào thanh niên của tổng cục, bộ tư lệnh.

+ Tổ chức các hoạt động và phong trào thi đua để tập hợp, giáo dục, rèn luyện đoàn viên, thanh niên trong tổng cục, bộ tư lệnh thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Thực hiện sự chỉ đạo của cơ quan xây dựng lực lượng cấp mình trong việc hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, kế hoạch, chương trình công tác đoàn và phong trào thanh niên đối với các cơ sở đoàn trực thuộc.

+ Định kỳ báo cáo, kiến nghị với đảng ủy tổng cục, bộ tư lệnh, Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ Công an và cơ quan xây dựng lực lượng cấp mình về tình hình công tác đoàn và phong trào thanh niên của đơn vị; về cơ chế, điều kiện tiến hành công tác thanh niên và chế độ, chính sách đối với cán bộ đoàn của tổng cục, bộ tư lệnh.

+ Hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ công tác thanh niên cho cán bộ đoàn các đơn vị trực thuộc; tổ chức nghiên cứu, sơ kết, tổng kết các chuyên đề, các phong trào và chương trình hoạt động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tổng cục, bộ tư lệnh.

- Quyền hạn:

+ Có quyền hạn như ban chấp hành đoàn cấp huyện được quy định trong Điều lệ Đoàn và Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn; được cử đại diện tham gia các hội đồng có liên quan đến đoàn viên, thanh niên trong tổng cục, bộ tư lệnh theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an và hướng dẫn của cơ quan tham mưu giúp Đảng ủy Công an Trung ương đảm nhiệm công tác Đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong Đảng bộ Công an Trung ương.

+ Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tổng cục, bộ tư lệnh được sử dụng con dấu theo quy định.

- Số lượng ủy viên ban chấp hành: Số lượng ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các tổng cục, bộ tư lệnh thực hiện theo quy định đối với đoàn cấp huyện tại mục 4.3, Điều 5, Khoản 2 của Hướng dẫn này.

c. Ban chấp hành các cơ sở đoàn trực thuộc Đoàn Thanh niên Bộ Công an; các cơ sở đoàn trực thuộc Đoàn Thanh niên các tổng cục, bộ tư lệnh (gọi chung là ban chấp hành cơ sở đoàn).

- Ban chấp hành cơ sở đoàn do đại hội đoàn cùng cấp bầu ra; đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng công an cùng cấp và sự chỉ đạo của ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cấp trên trực tiếp.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ban chấp hành cơ sở đoàn thực hiện theo quy định của Điều lệ Đoàn và Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn; được sử dụng con dấu theo quy định.

- Số lượng ủy viên ban chấp hành, bí thư, phó bí thư của cơ sở đoàn thực hiện theo quy định đối với đoàn cấp cơ sở tại mục 4.2, Điều 5, Khoản 2 của Hướng dẫn này.

d. Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gọi là ban chấp hành Đoàn Thanh niên công an tỉnh.

Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên công an tỉnh do đại hội Đoàn Thanh niên công an tỉnh bầu ra; đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng công an cùng cấp và ban chấp hành đoàn thanh niên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, sự chỉ đạo thường xuyên của thủ trưởng cơ quan tham mưu về công tác xây dựng lực lượng công an tỉnh.

- Chức năng:

+ Tham mưu cho cấp ủy đảng công an cùng cấp và ban chấp hành Đoàn Thanh niên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về chủ trương, nội dung, biện pháp tiến hành công tác đoàn và phong trào thanh niên công an tỉnh.

+ Tổ chức thực hiện nghị quyết của đại hội Đoàn Thanh niên công an tỉnh, các chủ trương, nghị quyết, chương trình công tác của cấp ủy đảng công an cùng cấp; của ban chấp hành Đoàn Thanh niên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và chỉ đạo của thủ trưởng cơ quan xây dựng lực lượng công an tỉnh.

+ Hướng dẫn Đoàn Thanh niên công an huyện tổ chức thực hiện nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự và xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Nhiệm vụ:

+ Quán triệt các chỉ thị, nghị quyết, chương trình công tác của cấp ủy đảng cùng cấp, ban chấp hành Đoàn Thanh niên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan tham mưu giúp Đảng ủy Công an Trung ương đảm nhiệm công tác Đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong Đảng bộ Công an Trung ương và Đoàn Thanh niên Bộ Công an về công tác đoàn và phong trào thanh niên; xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch, giải pháp công tác đoàn và phong trào thanh niên công an tỉnh.

+ Tổ chức các hoạt động và phong trào thi đua tạo môi trường, điều kiện tập hợp, giáo dục, rèn luyện đoàn viên, thanh niên; thực hiện nhiệm vụ chính trị của cấp ủy đảng cùng cấp và ban chấp hành Đoàn Thanh niên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giao; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch công tác của các tổ chức Đoàn trực thuộc; phối hợp với ban chấp hành quận, huyện, thị, thành đoàn trực thuộc tỉnh, thành phố hướng dẫn, chỉ đạo công tác đoàn và phong trào thanh niên công an các quận, huyện, thị, thành phố thuộc tỉnh.

+ Định kỳ báo cáo, kiến nghị với cấp ủy đảng công an cùng cấp; ban chấp hành Đoàn Thanh niên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ quan tham mưu giúp Đảng ủy Công an Trung ương đảm nhiệm công tác Đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong Đảng bộ Công an Trung ương (qua cơ quan Đoàn thanh niên Bộ Công an) về tình hình công tác đoàn và phong trào thanh niên của đơn vị; về cơ chế, điều kiện tiến hành công tác thanh niên và chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên công an tỉnh.

+ Tổ chức hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác thanh niên cho cán bộ đoàn công an tỉnh; tổ chức nghiên cứu, sơ kết, tổng kết các chuyên đề,

các phong trào và chương trình hoạt động của Đoàn Thanh niên trong lực lượng Công an nhân dân và Đoàn Thanh niên công an tỉnh.

- Quyền hạn:

+ Có quyền hạn như ban chấp hành đoàn cấp huyện được quy định trong Điều lệ Đoàn và Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn; được cử đại diện tham gia các hội đồng có liên quan đến cán bộ, đoàn viên, thanh niên công an tỉnh.

+ Ban chấp hành Đoàn Thanh niên công an tỉnh được sử dụng con dấu theo quy định.

- Số lượng ủy viên ban chấp hành:

Số lượng ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư Đoàn Thanh niên công an tỉnh thực hiện theo quy định đối với đoàn cấp huyện tại mục 4.3, Điều 5, Khoản 2 của Hướng dẫn này.

đ. Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các phòng, ban, đơn vị trực thuộc công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là ban chấp hành cơ sở đoàn trực thuộc Đoàn Thanh niên công an tỉnh)

- Ban chấp hành cơ sở đoàn trực thuộc Đoàn Thanh niên công an tỉnh do đại hội cùng cấp bầu ra; đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng công an cùng cấp, sự lãnh đạo, chỉ đạo của ban chấp hành Đoàn Thanh niên công an tỉnh.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ban chấp hành cơ sở đoàn trực thuộc Đoàn Thanh niên công an tỉnh thực hiện theo quy định của Điều lệ Đoàn và Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn; được sử dụng con dấu theo quy định.

- Số lượng ủy viên ban chấp hành, bí thư, phó bí thư cơ sở đoàn trực thuộc Đoàn Thanh niên công an tỉnh thực hiện theo quy định tại mục 4.2, Điều 5, Khoản 2 của Hướng dẫn này.

e. Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh gọi chung là ban chấp hành Đoàn Thanh niên công an huyện.

- Ban chấp hành Đoàn Thanh niên công an huyện do đại hội đoàn cùng cấp bầu ra; đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng công an cùng cấp, của ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan xây dựng lực lượng công an tỉnh.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ban chấp hành Đoàn Thanh niên công an huyện thực hiện theo quy định của Điều lệ Đoàn và Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn; được sử dụng con dấu theo quy định.

- Số lượng ủy viên ban chấp hành, bí thư, phó bí thư Đoàn Thanh niên công an huyện thực hiện theo quy định tại mục 4.2, Điều 5, Khoản 2 của Hướng dẫn này.

f. Ban chấp hành Đoàn Thanh niên công an phường, thị trấn; công an xã - nơi bố trí cán bộ công an chính qui (gọi chung là ban chấp hành Đoàn Thanh niên công an phường)

- Ban chấp hành Đoàn Thanh niên công an phường do đại hội đoàn cùng cấp bầu ra; đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng công an cùng cấp; của ban chấp

hành Đoàn Thanh niên xã, phường, thị trấn và chỉ đạo, hướng dẫn của Đoàn Thanh niên công an huyện.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ban chấp hành Đoàn Thanh niên công an phường thực hiện theo quy định của Điều lệ Đoàn và Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn.

- Số lượng ủy viên ban chấp hành, bí thư, phó bí thư Đoàn Thanh niên công an phường thực hiện theo quy định tại mục 4.1, Điều 5, Khoản 2 của Hướng dẫn này.

g. Ban chấp hành các liên chi đoàn, chi đoàn trực thuộc đoàn cơ sở

- Ban chấp hành các liên chi đoàn, chi đoàn trực thuộc đoàn cơ sở do đại hội đoàn cùng cấp bầu ra; đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng công an cùng cấp và sự chỉ đạo của ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cấp trên trực tiếp.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và công tác tổ chức của các liên chi đoàn, chi đoàn trực thuộc đoàn cơ sở thực hiện theo quy định của Điều lệ Đoàn và Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn.

17.4. Mọi quan hệ của Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và tổ chức Đoàn các cấp trong Công an nhân dân

a. Mọi quan hệ của ban chấp hành đoàn các cấp trong Công an nhân dân thực hiện theo quy định của Điều lệ Đoàn và Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn.

b. Mọi quan hệ phối hợp giữa ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong Công an nhân dân với ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các địa phương như sau:

- Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Bộ Công an phối hợp với ban chấp hành Đoàn Thanh niên các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện phong trào thanh niên công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đảm bảo thống nhất và phù hợp với tính chất, đặc điểm, nhiệm vụ của lực lượng Công an nhân dân; phối hợp chỉ đạo thực hiện nội dung các chương trình, kế hoạch, nghị quyết liên tịch giữa Trung ương Đoàn và Bộ Công an; định kỳ trao đổi thông tin về công tác hướng dẫn, chỉ đạo công tác đoàn và phong trào thanh niên công an trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Ban chấp hành Đoàn Thanh niên công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với ban chấp hành Đoàn Thanh niên huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện phong trào thanh niên công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, đảm bảo thống nhất và phù hợp với tính chất, đặc điểm, nhiệm vụ của lực lượng Công an nhân dân; định kỳ trao đổi thông tin về công tác hướng dẫn, chỉ đạo công tác đoàn và phong trào thanh niên công an trên địa bàn.

- Ban chấp hành Đoàn Thanh niên công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phối hợp với ban chấp hành Đoàn Thanh niên xã, phường, thị trấn hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện phong trào thanh niên công an phường, thị trấn, công an xã (nơi bố trí công an chính qui), đảm bảo thống nhất và phù hợp với

tính chất, đặc điểm, nhiệm vụ của lực lượng Công an nhân dân; định kỳ trao đổi thông tin về công tác hướng dẫn, chỉ đạo công tác đoàn và phong trào thanh niên công an trên địa bàn.

c. Tổ chức Đoàn trong Công an nhân dân thường xuyên liên hệ và phối hợp chặt chẽ với tổ chức Đoàn địa phương nơi đóng quân nhằm góp phần giáo dục thanh, thiếu nhi nâng cao ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng khối đoàn kết quân dân, góp phần giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, xây dựng địa phương, đơn vị và tổ chức Đoàn vững mạnh.

d. Về việc giới thiệu nhân sự tham gia ban chấp hành các cấp thực hiện theo nguyên tắc sau.

- Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ Công an giới thiệu nhân sự tham gia Ban Chấp hành Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

- Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh công an giới thiệu nhân sự tham gia ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giới thiệu nhân sự tham gia ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Ban chấp hành chi đoàn công an phường, thị trấn, công an xã (nơi bố trí công an chính quy) giới thiệu nhân sự tham gia ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã, phường, thị trấn.

Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong Công an nhân dân giới thiệu nhân sự tham gia ban chấp hành đoàn các cấp phải được sự đồng ý của cấp ủy đảng công an hoặc thủ trưởng cơ quan xây dựng lực lượng cùng cấp.

18. Điều 27.

18.1. Điều 27 (khoản 1). Ban chấp hành, ban thường vụ đoàn các cấp có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát của Đoàn. Nội dung lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát bao gồm:

a. Ban hành các văn bản chỉ đạo: Nghị quyết, quy chế, quy định, hướng dẫn, chương trình, kế hoạch... về công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền;

b. Chỉ đạo cấp bộ đoàn cấp dưới, các ban chuyên môn và ủy ban kiểm tra cùng cấp xây dựng, thực hiện phương hướng, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát trong từng thời gian; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật;

18.2. Điều 27 (khoản 2). Ban chấp hành, ban thường vụ đoàn các cấp có trách nhiệm trực tiếp tổ chức thực hiện một số hoạt động kiểm tra, giám sát thuộc chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của ban chấp hành, ban thường vụ đoàn cấp mình. Để thực hiện trách nhiệm này, ban chấp hành, ban thường vụ đoàn xây dựng kế hoạch trong đó xác định rõ nội dung, đối tượng, thời gian, phương pháp tiến hành kiểm tra, giám sát; tổ chức phối hợp lực lượng, phân công cụ thể từng ủy viên ban thường vụ, ban chấp hành và các ban chức năng của Đoàn tiến hành kiểm tra, giám sát.

Nội dung kiểm tra, giám sát của ban chấp hành, ban thường vụ tập trung vào việc thực hiện nghị quyết đại hội đoàn cùng cấp và cấp trên, các chỉ thị nghị quyết, các chủ trương công tác của Đoàn. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tế ở từng thời điểm, cấp bộ đoàn có thể trực tiếp hoặc chỉ đạo ủy ban kiểm tra cùng cấp lựa chọn, cụ thể hóa nội dung kiểm tra, giám sát cho phù hợp.

19. Điều 28.

19.1. Chức năng của ủy ban kiểm tra

a. Tham mưu cho cấp bộ đoàn cùng cấp về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đoàn, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cán bộ, đoàn viên, thanh niên.

b. Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát đối với cấp bộ đoàn và ủy ban kiểm tra cấp dưới.

c. Kiểm tra, giám sát cán bộ đoàn, đoàn viên (kể cả ủy viên ban chấp hành cùng cấp) và tổ chức Đoàn cấp dưới về việc chấp hành Điều lệ Đoàn và thực hiện các nghị quyết, chủ trương công tác của Đoàn.

19.2. Cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn ủy viên của ủy ban kiểm tra

a. Cơ cấu, số lượng: Ủy ban kiểm tra mỗi cấp gồm chủ nhiệm, các phó chủ nhiệm và các ủy viên. Ngoài số ủy viên chuyên trách công tác tại cơ quan thường trực của ủy ban kiểm tra, cần có một số ủy viên đại diện cho các ban phong trào, đại diện đoàn cấp dưới, nên có ủy viên là cán bộ, đoàn viên công tác tại cơ quan nội chính an ninh pháp luật, nghiệp vụ kiểm tra, giám sát để giúp ủy ban kiểm tra hoạt động hiệu quả.

b. Cơ cấu, số lượng của ủy ban kiểm tra từng cấp cụ thể như sau:

- Ủy ban kiểm tra Trung ương Đoàn:

+ Số lượng từ 15 đến 19 ủy viên

+ Cơ cấu gồm: Chủ nhiệm là Bí thư Trung ương Đoàn hoặc Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đoàn; các phó chủ nhiệm; một số ủy viên chuyên trách công tác tại cơ quan thường trực, một số ủy viên đại diện cho các ban, các đơn vị thuộc Trung ương Đoàn, một số ủy viên đại diện cho các tỉnh, thành đoàn, đoàn trực thuộc Trung ương Đoàn.

- Ủy ban kiểm tra tỉnh, thành đoàn, đoàn trực thuộc trung ương.

+ Số lượng từ 05 đến 09 ủy viên, riêng Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh nên có từ 7 - 11 ủy viên.

+ Cơ cấu gồm: Chủ nhiệm là phó bí thư hoặc ủy viên ban thường vụ tỉnh, thành đoàn; từ 1 đến 2 phó chủ nhiệm, số còn lại là các ủy viên, trong đó:

Từ 01 đến 03 ủy viên chuyên trách ở cơ quan thường trực ủy ban kiểm tra.

Từ 01 đến 02 ủy viên là chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đoàn cấp quận, huyện trực thuộc tỉnh.

Một số ủy viên đại diện cho các ban của tỉnh, thành đoàn, cán bộ, đoàn viên công tác tại các cơ quan nội chính an ninh pháp luật, nghiệp vụ kiểm tra, giám sát.

- Ủy ban kiểm tra cấp huyện và tương đương:

+ Số lượng 05 - 07 đồng chí.

+ Cơ cấu gồm: Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra là phó bí thư hoặc ủy viên ban thường vụ đoàn cấp huyện và tương đương; phó chủ nhiệm là cán bộ chuyên trách công tác tại cơ quan quận, huyện đoàn, còn lại các ủy viên là các đồng chí phụ trách công tác kiểm tra tại đoàn cơ sở (doanh nghiệp, trường học, địa bàn dân cư,...) và đại diện khối nội chính hoặc các phòng ban của quận, huyện.

b. Tiêu chuẩn ủy viên ủy ban kiểm tra.

Ngoài các tiêu chuẩn chung theo quy định của Đảng, của Đoàn cần có các tiêu chuẩn sau:

- gương mẫu thực hiện Điều lệ Đoàn, các nghị quyết của Đoàn, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Có tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, thẳng thắn, ý thức đấu tranh bảo vệ lẽ phải, tác phong khiêm tốn, được quần chúng tín nhiệm.

- Nhiệt tình năng động sáng tạo, có năng lực nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát và công tác xây dựng đoàn, có kinh nghiệm công tác đoàn và công tác vận động quần chúng.

Căn cứ các quy định này, khi bầu ủy ban kiểm tra, ban chấp hành đoàn có thể đề ra tiêu chuẩn cao hơn hoặc cụ thể hơn đối với ủy viên ủy ban kiểm tra cấp mình cho phù hợp.

20. Điều 29.

20.1. Ủy ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ.

a. Tham mưu cho ban chấp hành kiểm tra việc thi hành Điều lệ, nghị quyết, chủ trương của Đoàn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đoàn viên, thanh niên.

- Nội dung:

+ Kiểm tra thực hiện Điều lệ Đoàn và Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn;

+ Kiểm tra việc triển khai, thực hiện nghị quyết và các chủ trương công tác của Đoàn đối với cán bộ, đoàn viên, tổ chức Đoàn cấp dưới;

- Những vấn đề cần lưu ý:

+ Đề xuất đề kịp thời uốn nắn những khuyết điểm, lệch lạc trong việc thực hiện Điều lệ, chỉ thị, nghị quyết;

+ Đánh giá được hiệu quả các chủ trương công tác của Đoàn, chất lượng các hoạt động và phong trào do Đoàn chỉ đạo, tổ chức;

+ Phát hiện và đề xuất nhân rộng điển hình nhân tố mới.

b. Kiểm tra cán bộ, đoàn viên (kể cả ủy viên ban chấp hành cùng cấp) và tổ chức Đoàn cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm Điều lệ Đoàn.

- Những yếu tố để phát hiện cán bộ, đoàn viên và tổ chức Đoàn có dấu hiệu vi phạm Điều lệ Đoàn:

+ Qua theo dõi nắm tình hình;

+ Qua các ý kiến phản ánh trực tiếp (có biên bản, băng ghi âm) hoặc đơn, thư của cán bộ, đoàn viên, thanh niên và nhân dân;

+ Qua các phương tiện thông tin đại chúng;...

- Những điều cần lưu ý:

+ Đối với cán bộ thuộc diện cấp bộ đoàn cùng cấp hoặc cấp bộ đoàn cấp trên quản lý, khi có dấu hiệu vi phạm Điều lệ Đoàn thì ủy ban kiểm tra nơi phát hiện dấu hiệu phải báo cáo cấp bộ đoàn cùng cấp và ủy ban kiểm tra cấp trên trước khi tiến hành kiểm tra.

+ Sau khi kiểm tra theo dấu hiệu vi phạm phải có kết luận, nếu đến mức phải kỷ luật thì phải đề xuất hình thức kỷ luật và biện pháp giải quyết với cấp bộ đoàn cấp có thẩm quyền.

c. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của tổ chức Đoàn cấp dưới.

- Nội dung:

+ Phương hướng, phương châm trong thi hành kỷ luật;

+ Nguyên tắc, thủ tục, thẩm quyền thi hành kỷ luật;

+ Việc thực thi quyết định kỷ luật;

+ Việc giải quyết đơn thư khiếu nại về kỷ luật;

- Khi kiểm tra việc thi hành kỷ luật, ủy ban kiểm tra có thể xem xét các vụ kỷ luật đã được xử lý nhưng có dấu hiệu xử lý không đúng để kiến nghị cấp bộ đoàn có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d. Kiểm tra công tác đoàn phí, việc sử dụng các nguồn quỹ khác của các đơn vị trực thuộc ban chấp hành cùng cấp và cấp dưới.

Hàng năm các cấp bộ đoàn, ủy ban kiểm tra xây dựng kế hoạch, tiến hành kiểm tra công tác đoàn phí, việc quản lý sử dụng tài chính và các nguồn thu khác của các đơn vị trực thuộc và tổ chức Đoàn cấp dưới, cụ thể như sau:

- Kiểm tra công tác đoàn phí:

+ Đối với đoàn viên: Kiểm tra ý thức, trách nhiệm đóng đoàn phí của đoàn viên (thể hiện ở thời gian đóng đoàn phí và mức đóng đoàn phí).

+ Đối với tổ chức Đoàn:

Kiểm tra việc thu, nộp đoàn phí, thời gian nộp, tỷ lệ trích nộp lên đoàn cấp trên.

Kiểm tra việc quản lý và sử dụng đoàn phí: mục đích, nội dung sử dụng, việc thực hiện các quy định về chế độ thanh quyết toán, việc mở sổ sách theo dõi theo quy định của Nhà nước.

- Kiểm tra tài chính của Đoàn:

+ Đối với ngân sách nhà nước cấp: Kiểm tra việc sử dụng ngân sách Nhà nước cấp cho các hoạt động của Đoàn (chỉ kiểm tra khi thấy có dấu hiệu vi phạm và có sự đồng ý của ban thường vụ đoàn cùng cấp). Khi tiến hành kiểm tra cần phối hợp chặt chẽ với cơ quan tài chính.

+ Đối với các nguồn thu khác: Tiến hành kiểm tra khi có sự đồng ý của ban thường vụ đoàn cùng cấp; trong đó chú ý các khoản phân phối cho cán bộ, nhân viên, đầu tư cho sản xuất, làm công tác từ thiện và giúp đỡ cơ sở, để lại quỹ phúc lợi của cơ quan đơn vị... Kiểm tra việc sử dụng nguồn thu này có đúng quy định của Nhà nước, có hợp lý, công bằng đảm bảo nguyên tắc bàn bạc tập thể hay không.

+ Kiểm tra việc thanh, quyết toán các loại sổ sách, hóa đơn chứng từ theo quy định của Nhà nước.

đ. Giám sát ủy viên ban chấp hành, cán bộ Đoàn cùng cấp và tổ chức Đoàn cấp dưới trong việc thực hiện chủ trương, nghị quyết và quy định của Đoàn.

- Đối tượng giám sát:

+ Ủy viên ban chấp hành, cán bộ đoàn cùng cấp;

+ Tổ chức Đoàn cấp dưới và cán bộ, đoàn viên.

- Nội dung giám sát:

+ Giám sát tổ chức Đoàn cấp dưới trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương công tác của Đoàn; việc chấp hành Điều lệ và các quy định của tổ chức Đoàn.

+ Giám sát cán bộ, đoàn viên trong việc chấp hành Điều lệ Đoàn, thực hiện các nghị quyết, quy định, quyết định của Đoàn; việc thực hiện các tiêu chuẩn cán bộ, đoàn viên theo quy định của Đảng, Nhà nước và của Đoàn; việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, rèn luyện tác phong, thực hiện lễ lối công tác,...

- Cách thức tiến hành giám sát:

+ Phân công ủy viên ủy ban kiểm tra trực tiếp, thường xuyên theo dõi địa bàn, lĩnh vực, nắm tình hình phục vụ cho việc phát hiện dấu hiệu vi phạm nếu có.

+ Cử cán bộ dự các hội nghị, hoạt động của cấp bộ đoàn hoặc tổ chức Đoàn được giám sát.

+ Tổ chức các đoàn giám sát tại địa phương, đơn vị.

+ Trao đổi, nắm tình hình từ các tổ chức trong hệ thống chính trị, các cơ quan bảo vệ pháp luật, dư luận quần chúng thanh thiếu nhi và nhân dân, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và đơn thư khiếu nại, tố cáo.

+ Xem xét các văn bản, báo cáo của tổ chức Đoàn cấp dưới.

e. Giải quyết khiếu nại, tố cáo của cán bộ, đoàn viên và nhân dân liên quan đến cán bộ, đoàn viên; tham mưu cho ban chấp hành về việc thi hành kỷ luật Đoàn.

- Việc xem xét giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Đoàn thực hiện theo quy định của Điều lệ Đoàn, pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Nếu người khiếu nại (hoặc tố cáo), hoặc người bị tố cáo là đảng viên thì phải thực hiện theo các quy định của Đảng.

- Một số quy định cụ thể như sau:

+ Khi nhận được đơn khiếu nại tố cáo của cán bộ, đoàn viên, nếu thuộc thẩm quyền giải quyết thì ủy ban kiểm tra các cấp có trách nhiệm thẩm tra, xác minh, kết luận, kiến nghị xử lý và trả lời cho người có đơn. Thời hạn giải quyết lần đầu không quá 30 ngày đối với khiếu nại, 60 ngày đối với tố cáo kể từ ngày thụ lý giải quyết; đối với các vụ việc phức tạp liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều tổ chức thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài nhưng thời gian kéo dài thêm không quá 45 ngày đối với khiếu nại, 90 ngày đối với tố cáo.

+ Những tố cáo, khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết thì chuyển cho cơ quan chức năng xem xét, giải quyết và thông báo cho người khiếu nại, tố cáo biết.

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu mà người khiếu nại, tố cáo không đồng ý thì có quyền khiếu nại lên cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo (đối với khu vực đi lại khó khăn thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày). Thời gian giải quyết mỗi lần tiếp theo không quá 45 ngày kể từ ngày thụ lý để giải quyết, đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày kể từ ngày thụ lý giải quyết. Người khiếu nại không gửi đơn khiếu nại tố cáo đến nhiều cấp, nhiều ngành cùng một lúc; trong thời gian cấp có thẩm quyền đang xem xét, kết luận, người khiếu nại không gửi đơn khiếu nại tố cáo đi các cấp, các ngành...

+ Đối với đơn tố cáo không ghi danh, mạo danh không rõ địa chỉ và những đơn đã được cấp có thẩm quyền xem xét kết luận nay tố cáo lại nhưng không có thêm tài liệu, chứng cứ mới; những đơn tố cáo sao chụp chữ ký thì không xem xét giải quyết; trường hợp đơn tố cáo không ghi danh, không rõ địa chỉ người tố cáo nhưng nội dung rõ ràng, bằng chứng cụ thể và có cơ sở để thẩm tra, xác minh thì ủy ban kiểm tra tiến hành kiểm tra theo dấu hiệu vi phạm (khoản 2, Điều 29, Điều lệ Đoàn).

+ Trường hợp đơn khiếu nại tố cáo có nội dung, tính chất phức tạp, có liên quan đến nhiều cấp thì ủy ban kiểm tra, cấp bộ đoàn cấp trên trực tiếp của cấp cao nhất hoặc Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đoàn có thể xem xét giải quyết.

+ Đối với đơn, thư khiếu nại, tố cáo có liên quan đến đại biểu đại hội hoặc hội nghị đại biểu của Đoàn, thì chỉ nhận và xem xét, giải quyết đơn thư đó nếu được gửi đến trước đại hội, hội nghị đại biểu ít nhất 10 ngày.

+ Trong khi giải quyết đơn khiếu nại tố cáo, ủy ban kiểm tra phải đảm bảo khách quan, trung thực, đúng pháp luật và đúng quy định của Điều lệ Đoàn, không được quy chụp, trù úm người có đơn khiếu tố. Sau khi giải quyết xong phải báo cáo với cấp bộ đoàn có thẩm quyền xử lý.

20.2. Quyền hạn ủy ban kiểm tra cấp trên.

a. Quyền được kiểm tra, giám sát cán bộ, đoàn viên và tổ chức Đoàn cấp dưới theo quy định của Điều lệ và Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn.

b. Quyền được yêu cầu:

- Được yêu cầu tổ chức Đoàn cấp dưới, cán bộ, đoàn viên và những người có liên quan báo cáo, cung cấp tài liệu, chứng từ và các vấn đề khác có liên quan trong quá trình kiểm tra.

- Được tham dự các hội nghị của cấp bộ đoàn cùng cấp và cấp dưới khi giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác kiểm tra.

c. Quyền được đề nghị:

- Đề nghị đoàn cấp trên, các cơ quan của Đảng, Nhà nước trả lời, giải quyết những đơn thư khiếu tố của đoàn viên, thanh niên.

- Đề nghị cấp bộ đoàn thi hành kỷ luật cán bộ, đoàn viên; đề nghị xóa tên các ủy viên ban chấp hành hay ủy viên ban kiểm tra cùng cấp và cấp dưới theo đúng tính chất và mức độ vi phạm.

d. Quyền được đề nghị chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ các quyết định về kỷ luật của tổ chức Đoàn và ủy ban kiểm tra cấp dưới:

Trong quá trình giải quyết đơn, thư khiếu nại về kỷ luật hoặc kiểm tra việc thi hành kỷ luật của tổ chức Đoàn cấp dưới đối với cán bộ, đoàn viên và tổ chức Đoàn, nếu phát hiện thấy trường hợp xử lý kỷ luật không đúng, ủy ban kiểm tra cấp trên có quyền yêu cầu đoàn cấp dưới sửa đổi; nếu đoàn cấp dưới không sửa đổi thì ủy ban kiểm tra cấp trên có quyền báo cáo cấp bộ đoàn cùng cấp hoặc cấp trên thay đổi hoặc xóa bỏ các quyết định về kỷ luật đó.

21. Điều 30.

21.1. Ủy ban kiểm tra các cấp làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và chế độ tập thể, khi quyết định thì thiểu số phục tùng đa số; mỗi ủy viên phải chấp hành và chịu trách nhiệm trước ủy ban kiểm tra về nhiệm vụ được phân công.

21.2. Ủy ban kiểm tra chịu sự lãnh đạo của ban chấp hành đoàn cùng cấp và sự hướng dẫn, chỉ đạo của ủy ban kiểm tra cấp trên về phương hướng nhiệm vụ, nghiệp vụ công tác kiểm tra.

21.3. Quy chế hoạt động của ủy ban kiểm tra do ban chấp hành đoàn cùng cấp ban hành.

21.4. Ủy ban kiểm tra được sử dụng con dấu riêng trong hoạt động.

21.5. Ủy ban kiểm tra các cấp họp định kỳ 1 năm 2 lần, họp bất thường khi cần. Trong các phiên họp, ngoài việc giải quyết các công việc cụ thể, ủy ban kiểm tra cần kiểm điểm việc thực hiện 6 nhiệm vụ do Điều lệ Đoàn quy định, quyết định trọng tâm, phương hướng công tác mới.

21.6. Những cấp có cơ quan thường trực của ủy ban kiểm tra, cơ quan thường trực làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và chế độ thủ trưởng. Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đồng thời lãnh đạo cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm trước cơ quan chuyên trách của Đoàn về quản lý cán bộ và cơ sở vật chất được giao (theo phân công) để thực hiện nhiệm vụ.

21.7. Nếu vì lý do đặc biệt mà ban chấp hành chưa bầu được ủy ban kiểm tra thì có thể đề nghị cấp bộ đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định.

- Hồ sơ đề nghị chỉ định gồm: Công văn đề nghị của ban chấp hành; danh sách và tóm tắt lý lịch của các ủy viên chỉ định.

- Thời gian hoạt động ủy ban kiểm tra chỉ định không được kéo dài quá hai kỳ họp của ban chấp hành cùng cấp.

- Ủy ban kiểm tra được chỉ định có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn như ủy ban kiểm tra do ban chấp hành bầu.

22. Điều 31.

Thực hiện theo Quy chế thi đua, khen thưởng của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

23. Điều 32.

23.1. Một số vấn đề chung

a. Mục đích kỷ luật của Đoàn nhằm giữ vững sự thống nhất ý chí và hành động, tăng cường sức chiến đấu của Đoàn. Thi hành kỷ luật để giáo dục cán bộ, đoàn viên vi phạm khuyết điểm sửa chữa sai lầm khuyết điểm đồng thời đảm bảo kỷ luật của Đoàn được nghiêm minh.

b. Cán bộ đoàn và đoàn viên đều bình đẳng trước kỷ luật Đoàn, nếu vi phạm khuyết điểm tùy theo tính chất, mức độ vi phạm đều bị xem xét xử lý.

c. Kỷ luật Đoàn không thay thế kỷ luật Đảng, kỷ luật hành chính, kỷ luật của các đoàn thể khác hoặc ngược lại.

d. Trong quá trình kiểm tra nếu phát hiện cán bộ, đoàn viên vi phạm khuyết điểm nghiêm trọng thì báo cáo cấp bộ đoàn cùng cấp phối hợp với cơ quan chức năng xem xét, xử lý.

đ. Khi xem xét xử lý kỷ luật, phải căn cứ kết quả tự phê bình và kết quả thẩm tra xác minh để đảm bảo kết luận khách quan, chính xác, không bỏ sót khuyết điểm. Khi xem xét, xử lý cần làm rõ nguyên nhân sai phạm, động cơ sai phạm và hoàn cảnh sai phạm.

e. Cán bộ, đoàn viên có khuyết điểm đang trong quá trình kiểm tra, xem xét, không được rút đơn khỏi danh sách ban chấp hành hoặc xét đơn xin ra Đoàn của cán bộ, đoàn viên đó.

f. Trường hợp tại nhiệm kỳ của ban chấp hành, ủy ban kiểm tra khóa cũ chưa kết luận và xử lý kỷ luật, phải chuyển giao hồ sơ đề ban chấp hành, ủy ban kiểm tra khóa mới tiếp tục xem xét, kết luận và xử lý.

23.2. Điều 32 (khoản 2): Hình thức kỷ luật

a. Đối với cơ quan lãnh đạo của đoàn

- Khiển trách: Áp dụng đối với cơ quan lãnh đạo của Đoàn vi phạm Điều lệ, chỉ thị, nghị quyết, các nguyên tắc của Đoàn, chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước mà tính chất và mức độ không lớn; ảnh hưởng trong phạm vi hẹp.

- Cảnh cáo: Áp dụng đối với cơ quan lãnh đạo của Đoàn vi phạm Điều lệ, chỉ thị, nghị quyết và các nguyên tắc của tổ chức Đoàn, chủ trương đường lối của

Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước mà tính chất và mức độ lớn, ảnh hưởng trong phạm vi rộng nhưng chưa đến mức phải áp dụng hình thức giải tán hoặc đã bị Đoàn cấp trên kỷ luật khiển trách mà còn tái phạm.

- Giải tán: Áp dụng đối với cơ quan lãnh đạo của Đoàn vi phạm rất nghiêm trọng Điều lệ Đoàn, không đủ khả năng lãnh đạo công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi.

b. Một số trường hợp không phải là hình thức kỷ luật

- Đình chỉ chức vụ, đình chỉ công tác đối với cán bộ đoàn và đình chỉ công tác, sinh hoạt đoàn đối với đoàn viên để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình kiểm tra và kết luận những vi phạm có khuyết điểm có liên quan đến đoàn viên hoặc cán bộ đó. Thời gian đình chỉ không quá 3 tháng. Quá thời gian 3 tháng, chưa có kết luận kiểm tra, nếu thấy cần thiết có thể tiếp tục đình chỉ lần thứ 2, thời gian đình chỉ lần thứ 2 không quá 3 tháng.

- Xóa tên trong danh sách đoàn viên (khoản 3, điều 4, chương I, Điều lệ Đoàn).

c. Đối với cán bộ đoàn, đoàn viên

- Khiển trách: áp dụng đối với những cán bộ đoàn, đoàn viên mắc khuyết điểm lần đầu, khuyết điểm ở mức độ nhẹ, nhất thời, ảnh hưởng gây tác hại trong phạm vi hẹp, đã nhận thấy khuyết điểm và quyết tâm sửa chữa.

- Cảnh cáo: áp dụng đối với cán bộ đoàn, đoàn viên vi phạm kỷ luật bị khiển trách mà còn tái phạm hoặc tuy mới vi phạm lần đầu nhưng mang tính chất tương đối nghiêm trọng, phạm vi ảnh hưởng tương đối rộng.

- Cách chức: áp dụng đối với cán bộ đoàn vi phạm khuyết điểm nghiêm trọng gây ảnh hưởng xấu đến tổ chức Đoàn, không xứng đáng để giữ chức vụ đó.

Khi áp dụng hình thức kỷ luật cách chức cần lưu ý đối với cán bộ giữ nhiều chức vụ, cụ thể như sau:

+ Cán bộ giữ nhiều chức vụ vi phạm kỷ luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà cách một chức, nhiều chức hay cách hết chức vụ Đoàn hiện đang đảm nhiệm.

+ Trường hợp cán bộ đoàn giữ nhiều chức vụ trong một cấp như là bí thư (hoặc phó bí thư), ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành... khi vi phạm kỷ luật phải cách chức thì: nếu cách chức bí thư (hoặc phó bí thư) còn là ủy viên ban thường vụ và ủy viên ban chấp hành; nếu cách chức ủy viên ban thường vụ còn là ủy viên ban chấp hành; nếu cách chức ủy viên ban chấp hành thì hết các chức vụ.

+ Trường hợp một cán bộ giữ nhiều chức vụ ở nhiều cấp khi vi phạm kỷ luật phải cách chức thì cách chức ở cấp nào thì chỉ mất chức ở cấp đó, các chức vụ ở cấp khác vẫn còn.

+ Trường hợp một cán bộ vừa là ủy viên ban chấp hành vừa là ủy viên ủy ban kiểm tra cùng cấp, khi vi phạm kỷ luật phải cách chức thì: nếu cách chức ủy viên ban chấp hành không còn chức ủy viên ban kiểm tra; nếu cách chức ủy viên ban kiểm tra thì tùy thuộc mức độ sai phạm đề nghị cấp bộ đoàn xem xét tư cách ủy viên ban chấp hành.

- Khai trừ:

+ Là hình thức kỷ luật cao nhất của Đoàn, áp dụng đối với cán bộ đoàn, đoàn viên phạm khuyết điểm ở mức rất nghiêm trọng gây ảnh hưởng xấu đến tổ chức Đoàn, không xứng đáng được đứng trong hàng ngũ của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

+ Đoàn viên bị khai trừ, sau một năm thì được xem xét kết nạp lại. Thời gian bị khai trừ không được tính tuổi đoàn viên.

24. Điều 33. Thẩm quyền thi hành kỷ luật

24.1. Những tổ chức có thẩm quyền quyết định kỷ luật.

a. Chi đoàn và chi đoàn cơ sở.

b. Ban chấp hành từ đoàn cơ sở trở lên.

c. Các ban cán sự đoàn được Ban Thường vụ Trung ương Đoàn cho phép.

Riêng thẩm quyền kỷ luật của tổ chức Đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam thực hiện theo qui định tại mục 16, Điều 25 của Hướng dẫn này.

24.2. Điều 33 (khoản 1). Đối với đoàn viên

a. Khi vi phạm kỷ luật phải được kiểm điểm trước chi đoàn với sự có mặt của ít nhất hai phần ba tổng số đoàn viên chi đoàn và được trên một phần hai ý kiến biểu quyết đồng ý của đoàn viên có mặt trong hội nghị.

b. Từ hình thức cảnh cáo trở lên chi đoàn báo cáo lên đoàn cấp trên trực tiếp xét và quyết định.

24.3. Điều 33 (khoản 2). Đối với cán bộ đoàn.

a. Ủy viên ban chấp hành đoàn cấp nào do hội nghị ban chấp hành cấp đó (có mặt ít nhất hai phần ba tổng số ủy viên ban chấp hành) thảo luận, biểu quyết hình thức kỷ luật với sự đồng ý của trên một phần hai số ủy viên ban chấp hành đoàn có mặt tại hội nghị, đồng thời phải được cấp bộ đoàn cấp trên trực tiếp xét, quyết định. Đối với Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đoàn do Ban Chấp hành Trung ương Đoàn họp biểu quyết, quyết định hình thức kỷ luật với sự đồng ý của trên một phần hai số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đoàn có mặt tại hội nghị.

b. Thẩm quyền kỷ luật đối với ủy viên ủy ban kiểm tra đoàn các cấp áp dụng như kỷ luật ủy viên ban chấp hành cùng cấp.

c. Trường hợp ủy viên ban chấp hành hoặc ủy viên ủy ban kiểm tra trong độ tuổi đoàn viên, khi vi phạm kỷ luật phải kiểm điểm tại chi đoàn nơi đồng chí đó sinh hoạt.

d. Trường hợp cán bộ đoàn là cấp ủy viên tham gia ban chấp hành đoàn, nếu vi phạm kỷ luật, trước khi kiểm điểm, phải báo cáo xin ý kiến cấp ủy quản lý trực tiếp cán bộ đó.

đ. Trường hợp cán bộ giữ nhiều chức vụ trong nhiều cấp, khi vi phạm kỷ luật thì cấp nào quản lý trực tiếp cấp đó kiểm điểm, thảo luận biểu quyết hình thức kỷ luật và đề nghị đoàn cấp quản lý chức vụ cao nhất xét và quyết định kỷ luật.

e. Trường hợp cán bộ đoàn chuyên trách có chức vụ trong cơ quan của Đoàn nhưng không tham gia ban chấp hành, nếu vi phạm kỷ luật, cấp nào bổ nhiệm, cấp đó xử lý kỷ luật.

Chú ý: Trường hợp cán bộ, đoàn viên, tổ chức Đoàn vi phạm kỷ luật đã được tổ chức Đoàn và ủy ban kiểm tra cấp trên nhắc nhở mà cấp dưới không xử lý hoặc xử lý không đúng mức thì ủy ban kiểm tra cấp trên đề nghị cấp bộ đoàn cùng cấp trực tiếp xem xét và quyết định thi hành kỷ luật hoặc sửa đổi hình thức kỷ luật.

24.4. Điều 33 (khoản 4). Đối với cơ quan lãnh đạo của Đoàn.

a. Khiển trách, cảnh cáo cơ quan lãnh đạo của Đoàn do ban chấp hành đoàn cấp trên trực tiếp xét và quyết định với sự đồng ý của trên một phần hai số ủy viên ban chấp hành được triệu tập.

b. Giải tán cơ quan lãnh đạo của Đoàn do hội nghị ban chấp hành đoàn cấp trên trực tiếp (có mặt ít nhất hai phần ba số ủy viên ban chấp hành) thảo luận và quyết định với sự đồng ý của trên một phần hai số ủy viên ban chấp hành được triệu tập.

25. Điều 34.

25.1. Quyền của cán bộ, đoàn viên, cơ quan lãnh đạo của Đoàn khi bị kỷ luật.

Cán bộ, đoàn viên bị kỷ luật vẫn được hưởng các quyền sau:

a. Được trình bày ý kiến của mình trước hội nghị chi đoàn hoặc hội nghị ban chấp hành chi đoàn.

b. Được biểu quyết về hình thức kỷ luật của mình.

25.2. Giải quyết khiếu nại về kỷ luật Đoàn

a. Tổ chức Đoàn, cán bộ, đoàn viên bị kỷ luật không đồng ý với quyết định kỷ luật thì trong vòng một tháng (30 ngày) kể từ ngày nhận quyết định kỷ luật, có quyền khiếu nại bằng đơn về hình thức kỷ luật của mình lên ủy ban kiểm tra hoặc đoàn cấp trên. Ủy ban kiểm tra hoặc đoàn cấp trên có trách nhiệm xem xét giải quyết và trả lời cho người gửi đơn khiếu nại biết.

b. Ban thường vụ đoàn, ủy ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ giải quyết khiếu nại. Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật Đoàn phải tuân tự từ cấp ra quyết định sau đó mới đến cấp trên ra quyết định.

c. Thời gian giải quyết khiếu nại về kỷ luật Đoàn thực hiện theo quy định tại mục 20.1, Điều 29, Khoản e của Hướng dẫn này.

d. Không khiếu nại vượt cấp khi tổ chức có thẩm quyền giải quyết khiếu nại kỷ luật Đoàn chưa giải quyết xong, không gửi đơn khiếu nại đến nhiều cấp cùng một lúc, đến nhiều tổ chức và cá nhân có thẩm quyền giải quyết, không khiếu nại hộ cá nhân, tổ chức bị kỷ luật.

26. Điều 35.

26.1. Quy trình tiến hành xét kỷ luật.

a. Kiểm tra xác minh: quá trình kiểm tra, xác minh phải khách quan, thận trọng. Khi gặp gỡ đương sự hoặc người có liên quan phải ghi biên bản. Kết thúc quá trình kiểm tra xác minh phải có báo cáo kết luận.

b. Tổ chức kiểm điểm:

- Triệu tập họp chi đoàn (đối với trường hợp vi phạm là đoàn viên) hoặc ban chấp hành đoàn (trường hợp vi phạm là cán bộ đoàn).

- Cán bộ, đoàn viên trình bày kiểm điểm (bằng văn bản) trước chi đoàn hoặc ban chấp hành đoàn và tự nhận hình thức kỷ luật.

- Báo cáo kết luận kiểm tra xác minh, đề xuất hình thức kỷ luật.

- Các thành viên dự họp góp ý kiến phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ sai phạm.

- Chủ tọa cuộc họp tóm tắt, kết luận vấn đề.

c. Biểu quyết kỷ luật: biểu quyết hình thức kỷ luật nhất thiết phải bằng phiếu kín.

- Nếu kết quả bỏ phiếu quá một phần hai thì đề nghị đoàn cấp trên xem xét quyết định (trường hợp chi đoàn kỷ luật đoàn viên bằng hình thức khiển trách thì có hiệu lực ngay sau khi công bố).

- Trong trường hợp kết quả bỏ phiếu đề nghị kỷ luật không có hình thức nào quá bán hoặc kết quả bỏ phiếu bằng nhau thì làm văn bản báo cáo lên ủy ban kiểm tra, đoàn cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định.

d. Hồ sơ kỷ luật gồm:

- Bản tự kiểm điểm của người vi phạm.

- Biên bản họp chi đoàn hoặc ban chấp hành đoàn xét kỷ luật.

- Văn bản đề nghị của ban chấp hành đoàn.

- Các văn bản khác có liên quan như kết luận của cơ quan thanh tra, quyết định kỷ luật của Đảng, chính quyền, đoàn thể khác... (nếu có).

26.2. Về quy trình kỷ luật cán bộ đoàn, đoàn viên vi phạm pháp luật đã bị áp dụng mức hình phạt từ cải tạo không giam giữ trở lên theo bản án đã có hiệu lực của tòa án.

a. Trường hợp cán bộ đoàn, đoàn viên vi phạm pháp luật đã bị áp dụng mức hình phạt từ cải tạo không giam giữ trở lên theo bản án đã có hiệu lực pháp luật của tòa án thì bí thư (hoặc phó bí thư) của cấp bộ đoàn có thẩm quyền ký quyết định kỷ luật “khai trừ” (nếu cán bộ đoàn còn là đoàn viên), “cách chức” (cách chức tất cả các chức vụ trong đoàn, nếu cán bộ đoàn không còn là đoàn viên), không phải thực hiện các thủ tục xét thi hành kỷ luật như thông thường.

b. Nếu cán bộ đoàn vi phạm thuộc thẩm quyền quyết định kỷ luật của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn, Ban Thường vụ đoàn cấp tỉnh gửi hồ sơ đề nghị

thi hành kỷ luật về Ban Kiểm tra Trung ương Đoàn, Ban Kiểm tra Trung ương Đoàn tham mưu để Ban Thường vụ Trung ương Đoàn quyết định kỷ luật “khai trừ” (nếu cán bộ đoàn còn là đoàn viên), “cách chức” (cách chức tất cả các chức vụ trong đoàn, nếu cán bộ đoàn không còn là đoàn viên), không phải thực hiện các thủ tục xét thi hành kỷ luật như thông thường.

c. Hồ sơ kỷ luật đối với các trường hợp này gồm:

- Tờ trình hoặc công văn đề nghị của cấp bộ đoàn cấp dưới về việc thi hành kỷ luật cán bộ đoàn.

- Bản sao bản án đã có hiệu lực pháp luật của tòa án.

26.3. Hết thời hạn áp dụng hình thức kỷ luật và giới thiệu ứng cử, đề cử, bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo Đoàn các cấp.

a. Sau 12 tháng, kể từ ngày có quyết định kỷ luật (trừ quyết định kỷ luật khai trừ), nếu cán bộ đoàn, đoàn viên không có vi phạm mới đến mức phải xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật đương nhiên hết hiệu lực; việc giới thiệu ứng cử, đề cử, bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo Đoàn các cấp đối với cán bộ, đoàn viên bị kỷ luật đã hết thời hạn áp dụng hình thức kỷ luật thực hiện theo quy định tại điều 3 của Hướng dẫn này.

b. Trường hợp bị kỷ luật khai trừ Đoàn, sau 12 tháng, nếu cá nhân có nguyện vọng vào Đoàn thì thực hiện theo quy định của Điều lệ và Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh về kết nạp đoàn viên.

c. Cán bộ, đoàn viên bị kỷ luật từ kiến trách trở lên thì không thực hiện quy hoạch, bồi dưỡng, đào tạo, không được giới thiệu bầu vào cơ quan lãnh đạo của Đoàn, không được bổ nhiệm trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực.

27. Điều 36. Vai trò nòng cốt chính trị của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

27.1. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh giữ vai trò nòng cốt chính trị trong việc xây dựng tổ chức và hoạt động của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam và các thành viên khác của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam.

27.2. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh định hướng về chính trị, tư tưởng cho hoạt động của Hội. Thường xuyên thông báo cho Hội những chủ trương công tác và chương trình hoạt động của Đoàn, tham gia ý kiến với Hội để Hội xây dựng chương trình phối hợp nhằm triển khai sâu rộng yêu cầu hoạt động của Đoàn trong hội viên, thanh niên.

27.3. Ban thường vụ Đoàn các cấp giới thiệu cán bộ chủ chốt của Đoàn để tiến hành hiệp thương vào cơ quan lãnh đạo các cấp của Hội. Có ý kiến hiệp thương giới thiệu cán bộ chủ chốt của Hội tham gia cơ quan lãnh đạo Hội cấp trên.

28. Điều 37. Trách nhiệm của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong xây dựng Hội

28.1. Có kế hoạch đầu tư về tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện cần thiết phù hợp với điều kiện của mình để đảm bảo cho hoạt động của Hội duy trì được thường xuyên.

28.2. Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ và kỹ năng công tác thanh niên cho đội ngũ cán bộ Đoàn, Hội các cấp.

28.3. Các cấp bộ đoàn có trách nhiệm chăm lo xây dựng Hội ngày càng vững mạnh. Coi công tác xây dựng Hội là một nội dung quan trọng của công tác xây dựng Đoàn. Ban thường vụ đoàn và thường trực ủy ban Hội các cấp duy trì nề nếp làm việc giao ban định kỳ để kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động của mình.

28.4. Cán bộ đoàn và đoàn viên phải thực sự gương mẫu, liên hệ mật thiết với thanh niên, thuyết phục và động viên hội viên, thanh niên tích cực tham gia vào các chương trình hoạt động chung của Đoàn.

29. Điều 38.

Ban chấp hành đoàn các cấp lãnh đạo tổ chức Đội và chỉ đạo hoạt động của thiếu nhi theo những nội dung chủ yếu sau đây:

29.1. Đoàn có trách nhiệm lựa chọn, bố trí cán bộ, phân công đoàn viên có năng lực làm công tác Đội, phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

29.2. Tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ phụ trách Đội, các cung, nhà thiếu nhi và cán bộ ban chỉ huy liên đội, chi đội.

29.3. Quyết định nhân sự của Hội đồng Đội cùng cấp theo nhiệm kỳ của ban chấp hành đoàn.

29.4. Quyết định chủ trương công tác Đội và phong trào thiếu nhi theo phạm vi phụ trách.

29.5. Tham mưu cho Đảng, Nhà nước trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em theo quy định trong Công ước quốc tế về quyền trẻ em và Luật trẻ em.

29.6. Phối hợp với các ngành, đoàn thể, các lực lượng xã hội, tạo điều kiện về cơ sở vật chất, cơ chế chính sách và đầu tư thỏa đáng cho công tác Đội cũng như cán bộ phụ trách thiếu nhi.

29.7. Các cấp bộ đoàn đóng vai trò chủ động, tích cực trong việc vận động xã hội chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng, giúp trẻ em đặc biệt khó khăn; mỗi đoàn viên thanh niên là tấm gương tốt về mọi mặt cho các em noi theo, có trách nhiệm hướng dẫn thiếu nhi trong các hoạt động Đội.

29.8. Định kỳ có chương trình làm việc với Hội đồng Đội, đánh giá hoạt động của Hội đồng Đội, các bộ phận, các cơ quan chức năng của Đoàn đối với nhiệm vụ phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

29.9. Thực hiện công tác khen thưởng kịp thời đối với những tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp trong sự nghiệp xây dựng Đội vững mạnh và bảo vệ, chăm sóc giáo dục thiếu niên, nhi đồng.

29.10. Tổ chức hoạt động tình nguyện, lao động sáng tạo, tiết kiệm nhằm củng cố, phát triển tổ chức Đội và xây dựng các loại quỹ phục vụ hoạt động của thiếu nhi.

30. Điều 39.

30.1. Điều 39 (khoản 1). Về tổ chức và hoạt động của Đội.

a. Tổ chức và hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh theo Điều lệ của Đội do Ban Chấp hành Trung ương Đoàn quy định.

b. Đoàn tập trung nâng cao chất lượng đội viên và tổ chức Đội trong các loại hình trường, lớp, đồng thời chú trọng việc xây dựng chi đội, liên đội gắn với việc mở rộng hoạt động Đội trên địa bàn dân cư nhằm phát huy sự quan tâm chăm sóc trực tiếp của cộng đồng đối với công tác thiếu nhi. Đoàn chỉ đạo Đội TNTP Hồ Chí Minh hướng dẫn và tổ chức cho thiếu niên, nhi đồng thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy và các phong trào thiếu nhi, mở rộng các loại hình hoạt động, tích cực đổi mới nội dung hình thức hoạt động Đội, đáp ứng nhu cầu sở thích, lợi ích của mỗi cá nhân đội viên và tập thể Đội.

c. Tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức Đội phát triển các hoạt động gắn với nhiệm vụ chính trị ở địa phương, các hoạt động xã hội, nhân đạo từ thiện, giúp đỡ bạn bè và giao lưu quốc tế.

d. Tạo môi trường để các em tu dưỡng rèn luyện, phấn đấu trở thành đoàn viên TNCS Hồ Chí Minh và người công dân tốt.

30.2. Điều 39 (khoản 2). Hội đồng Đội các cấp.

a. Hội đồng Đội cấp nào do ban chấp hành đoàn cấp đó lập ra và lãnh đạo; đó là cơ quan tham mưu giúp Đoàn chỉ đạo, hướng dẫn công tác Đội, đại diện cho Đoàn quan hệ với cơ quan nhà nước, các tổ chức trong nước và nước ngoài về công tác Đội và phong trào thiếu nhi.

b. Hội đồng Đội các cấp chịu sự lãnh đạo trực tiếp của ban chấp hành đoàn cùng cấp và sự hướng dẫn về công tác Đội và phong trào thiếu nhi của Hội đồng Đội cấp trên.

c. Hệ thống tổ chức của Hội đồng Đội gồm 4 cấp:

- Cấp xã.
- Cấp huyện.
- Cấp tỉnh.
- Cấp trung ương.

d. Đoàn khối, ngành cần phân công cán bộ đoàn phụ trách công tác thiếu nhi.

đ. Nhiệm kỳ của Hội đồng Đội theo nhiệm kỳ của ban chấp hành đoàn cùng cấp.

e. Cơ cấu thành viên của Hội đồng Đội chủ yếu gồm đại diện Đoàn Thanh niên và ngành Giáo dục - Đào tạo với sự tham gia của các ngành hữu quan, các cá nhân có uy tín trong xã hội, uy tín với thiếu nhi, có nhiệt tình và năng lực công tác Đội.

f. Ban chấp hành Đoàn lập ra Hội đồng Đội cùng cấp bằng hình thức lấy phiếu biểu quyết. Nhân sự Hội đồng Đội do ban thường vụ Đoàn cùng cấp giới

thiệu. Chủ tịch Hội đồng Đội là bí thư, phó bí thư hoặc ủy viên ban thường vụ đoàn có uy tín, năng lực đáp ứng nhiệm vụ tổ chức và điều hành hoạt động của Hội đồng do mình đảm trách.

g. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch Hội đồng Đội cấp dưới phải có sự thống nhất ý kiến với chủ tịch Hội đồng Đội cấp trên.

h. Hoạt động của Hội đồng Đội các cấp dựa theo “Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh” do Ban Thường vụ Trung ương Đoàn ban hành.

31. Điều 40.

Tài chính của Đoàn bao gồm ngân sách Nhà nước cấp, đoàn phí và các khoản thu hợp pháp khác. Việc quản lý, sử dụng tài chính của Đoàn phải tuân thủ theo nguyên tắc quản lý tài chính của Nhà nước và thực hiện theo Quy định của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

32. Điều 41. Nguyên tắc thu nộp Đoàn phí của Đoàn

32.1. Thể lệ.

a. Hằng tháng, đoàn viên đóng đoàn phí cho chi đoàn. Trường hợp đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn thì được ban chấp hành đoàn cơ sở xét miễn đoàn phí trong một thời gian nhất định nhưng không quá 6 tháng.

b. Chi đoàn có trách nhiệm thu đoàn phí của đoàn viên một tháng một lần.

32.2. Mức đóng Đoàn phí của Đoàn viên.

Thực hiện theo quy định hiện hành, căn cứ vào tình hình thực tế Ban Bí thư Trung ương Đoàn sẽ trình Ban Thường vụ Trung ương Đoàn xem xét điều chỉnh mức đóng hợp lý.

32.3. Việc trích nộp Đoàn phí lên Đoàn cấp trên.

Các cấp bộ đoàn từ chi đoàn trở lên đều phải trích nộp đoàn phí lên đoàn cấp trên. Việc trích nộp quy định như sau:

a. Mức trích nộp: Từ chi đoàn trở lên, mỗi cấp được giữ lại hai phần ba (2/3) và nộp lên Đoàn cấp trên một phần ba (1/3) số tiền đoàn phí do đoàn viên đóng hoặc trích nộp của tổ chức Đoàn cấp dưới. Đoàn bộ phận, đoàn cơ sở được giao quyền cấp trên cơ sở được giữ lại hai phần ba (2/3) đoàn phí trong số đoàn phí của cấp mình.

b. Thời gian trích nộp:

- Chi đoàn trích nộp đoàn phí lên đoàn cơ sở (đoàn cấp trên cơ sở, đoàn bộ phận) 1 tháng 1 lần.

- Đoàn cơ sở, đoàn cấp huyện và tương đương 3 tháng 1 lần.

- Tỉnh, thành đoàn và cấp tương đương trích nộp đoàn phí lên Trung ương Đoàn 1 năm từ 1 đến 2 lần, thời hạn nộp cuối cùng là ngày 30 tháng 12 hàng năm.

33. Điều 42.

Hướng dẫn này được phổ biến trong toàn Đoàn để thống nhất thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì chưa phù hợp các cấp bộ đoàn đề xuất để Ban Thường vụ Trung ương Đoàn xem xét sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng;
- Đ/c Trần Quốc Vượng, Ủy viên BCT, Thường trực BBT TW Đảng;
- Đ/c Trương Thị Mai, Ủy viên BCT, Bí thư TW Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương;
- Đ/c Hà Ban, Ủy viên BCH TW Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức TW;
- Ban Tổ chức TW, Ban Kiểm tra TW, Ban Dân vận TW, Ban Tuyên giáo TW, Ban Nội chính TW, Văn phòng TW Đảng;
- Ủy ban TW MTTQ Việt Nam;
- Bộ Công an;
- Tổng cục Cảnh sát Quản lý hành chính về TTATXH, Bộ Công an;
- BTV các Tỉnh, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc TW;
- BTV các Tỉnh, Thành đoàn, đoàn trực thuộc;
- Các ban, đơn vị thuộc cơ quan Trung ương Đoàn;
- Lưu BTC, VP.

TM. BAN THƯỜNG VỤ TRUNG ƯƠNG ĐOÀN BÍ THƯ THỨ NHẤT

(Để báo cáo)



Lê Quốc Phong